

CTCP TÀU CAO TỐC
SUPERDONG – KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 18 tháng 04 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : Số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 0297 3 980 111

Fax : 0297 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 028 38 666 333

Fax : 028 38 688 373

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên 2019. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 18/04/2020 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người đại diện theo pháp luật



HÀ NGUYỆT NHI

SKG | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2019
ANNUAL REPORT



www.superdong.com.vn



Số 10, Đường 30/04, KP.2, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc, T. Kiên Giang



info@superdong.com.vn





SKG

www.superdong.com.vn

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG	01	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	57
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	23	BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	61
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	37	QUẢN TRỊ CÔNG TY	65
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	49	BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN	73

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG
Tên giao dịch:	SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	SUPERDONG FF (KG) JSC
Giấy CNĐKDN số:	1700556108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 19 ngày 07 tháng 08 năm 2019
Vốn điều lệ:	633.317.350.000 VNĐ (Sáu trăm ba mươi ba tỷ ba trăm mười bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	633.317.350.000 VNĐ (Sáu trăm ba mươi ba tỷ ba trăm mười bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)
Địa chỉ:	Số 10 Đường 30/4, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
Số điện thoại:	(0297) 3 980 111
Số fax:	(0297) 3 846 180
Website:	superdong.com.vn
Email:	info@superdong.com.vn
Mã cổ phiếu:	SKG
Logo Công ty:	



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trụ sở chính

- Số 10, Đường 30/4, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: 0297 3 980 111 - Fax: 0297 3 846 180

Phòng vé Rạch Giá

- Địa điểm 1: 14 Tự do, P. Vĩnh Thanh, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang
- Điện thoại: 0297 3 877 742 - Fax: 0297 3 877 741
- Địa điểm 2: Số 01, Lô 04, Đường 3/2, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: 0297 3 877 742 - Fax: 0297 3 877 741

Phòng vé Nam Du

- Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: 0297 3 777 989 - 0914.877.743

VPDD tại Tp. Hồ Chí Minh

- Số 610 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 38 666 333 - Fax: 028 38 688 363

Phòng vé Côn Đảo

- Đường Trần Phú, Thị trấn Côn Sơn, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Điện thoại: 0254 3 630 138 - 0254 3 630 139
- Hotline xe buýt: 088 663 739

Phòng vé Sóc Trăng

- 193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại: 0299 3 616 111 - Fax: 0299 3 637 888
- Hotline xe buýt: 0916.294.399

Phòng vé Hà Tiên

- 11 Trần Hữu, P. Bình San, Thị xã Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại: 0297 3 955 933 - Fax: 0297 3 955 989

Phòng vé Trần Đề

- Ấp Đầu Giồng, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại: 0299 3 843 888

Phòng vé Phan Thiết

- 535 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Lạc Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: 0252 3 817 337 - Fax: 0252 3 817 338

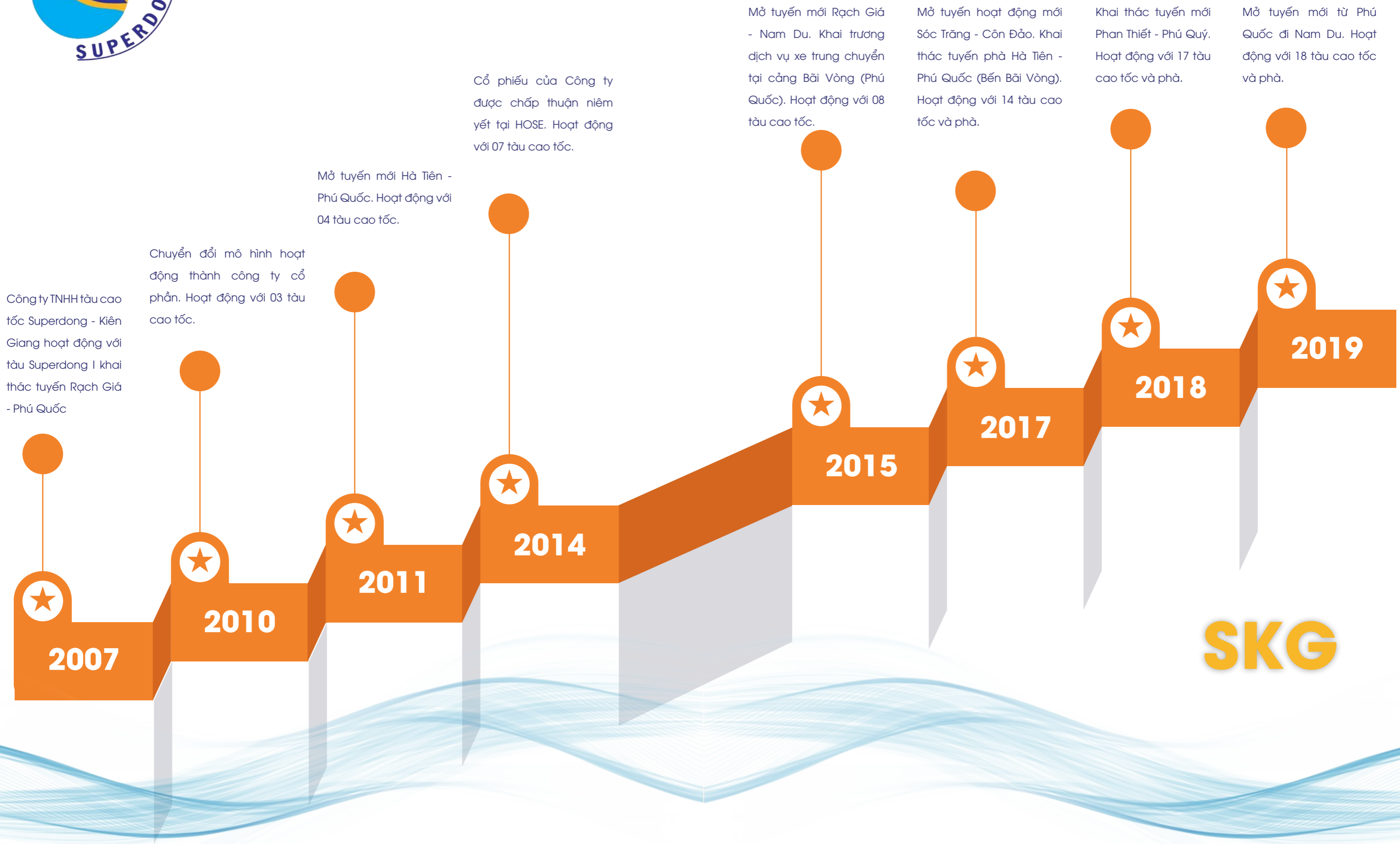
Phòng vé Phú Quý

- 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: 0252 3 765 999 - 0252 3 768 666

www.superdong.com.vn

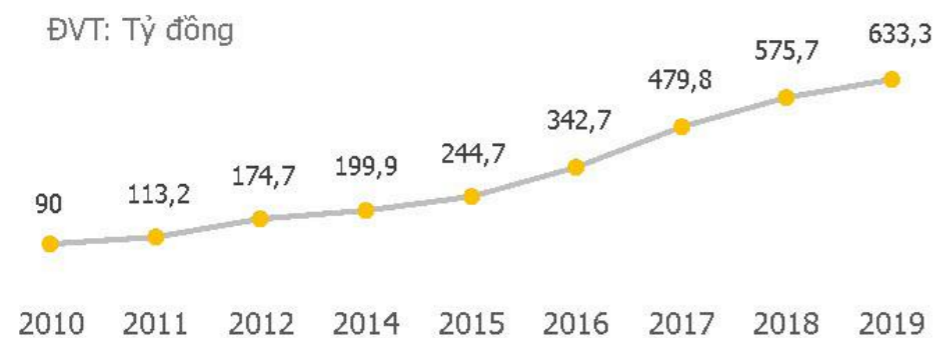


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



QUÁ TRÌNH HÌNH TĂNG VỐN

Thời điểm	Vốn điều lệ	Hình thức
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP.
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh Vốn điều lệ bằng đúng số vốn thực góp.
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010.
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu.
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011.
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu.
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu.
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013.
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015.
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015.
2017	479,8 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016.
2018	575,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017.
2019	633,3 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018.



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (Chi nhánh Phú Quý) đã có thành tích trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2019	06/01/2020	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Kiên Giang	Giấy khen CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh vận tải năm 2019	26/12/2019	Giám đốc Nguyễn Văn Dũng
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2019	02/12/2019	Giám đốc Trương Hữu Cường
Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận	Cảm tạ Tấm lòng vàng	12/09/2019	Phó Chủ tịch Dương Thị Hòa
Ủy ban nhân dân huyện Phú Quý	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế cho Nhà nước năm 2018	15/01/2019	Chủ tịch Bùi Thế Nhân
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên	05/02/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Ủy ban nhân dân thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017	18/01/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân



THÀNH TÍCH TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Sóc Trăng	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc - Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017	27/10/2017	Giám đốc Trần Minh Lý
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam	Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị Kết nối Giao thương VACOD - Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc - Trung - Nam 2017	10/10/2017	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn
Forbes Việt Nam	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất	29/05/2017	-
Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải tỉnh Kiên Giang	20/03/2017	Chủ tịch Lê Việt Bắc
Hiệp hội VAFE	Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin	09/11/2016	Tổng thư ký Mai Linh Đa
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 - IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	09/11/2016	Tổng Thư Ký Hiệp Hội VAFE Mai Linh Đa Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014	21/01/2015	Giám đốc Trương Hữu Cường
Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014	10/11/2014	Viện trưởng PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân
Sở Công thương tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013	15/03/2013	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
UBND tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012	08/02/2013	Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
Bảo hiểm xã hội tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011	15/02/2012	Giám đốc Trương Hữu Cường
Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Đã có thành tích trong công tác xã hội từ thiện từ năm 2005 đến năm 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	26/01/2011	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cúp vàng sản phẩm, dịch vụ xuất sắc lần II năm 2009	30/12/2009	Chủ tịch Hiệp hội DNVVN TS. Cao Sỹ Kiêm
UBND tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc trong vận động, tài trợ kinh phí cho bệnh nhân và người nghèo tỉnh Kiên Giang 5 năm (2003 - 2008)	28/11/2008	Chủ tịch Bùi Ngọc Sương



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Khách sạn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Điều hành kinh doanh tour du lịch;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh khai thác Cảng biển (Kinh doanh có điều kiện);

Du lịch biển đảo đang ngày càng được ưa chuộng với nhiều dự địa để phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch. Bất kịp xu hướng này, Công ty tập trung vào việc kinh doanh dịch vụ vận tải bằng tàu cao tốc và phà nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, cũng như phát triển kinh tế, du lịch của khu vực. Hiện, Công ty đang là hãng vận chuyển hàng đầu trong các thị trường khai thác với đội tàu gồm 16 tàu cao tốc và 02 phà, phục vụ cho hành khách đi tới các đảo Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo, Phú Quý, cụ thể như sau:

- Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, IX, X và Phà Superdong PI, PII;
- Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong IV, VII, VIII;
- Tuyến Rạch Giá - Nam Du (gồm các trạm dừng Hòn Tre, Lại Sơn): Tàu cao tốc Superdong I, II, XI, XII;
- Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II;
- Tuyến Phan Thiết - Phú Quý: Tàu Superdong Phú Quý I, II;
- Tuyến Phú Quốc - Nam Du: Tàu cao tốc Superdong V.



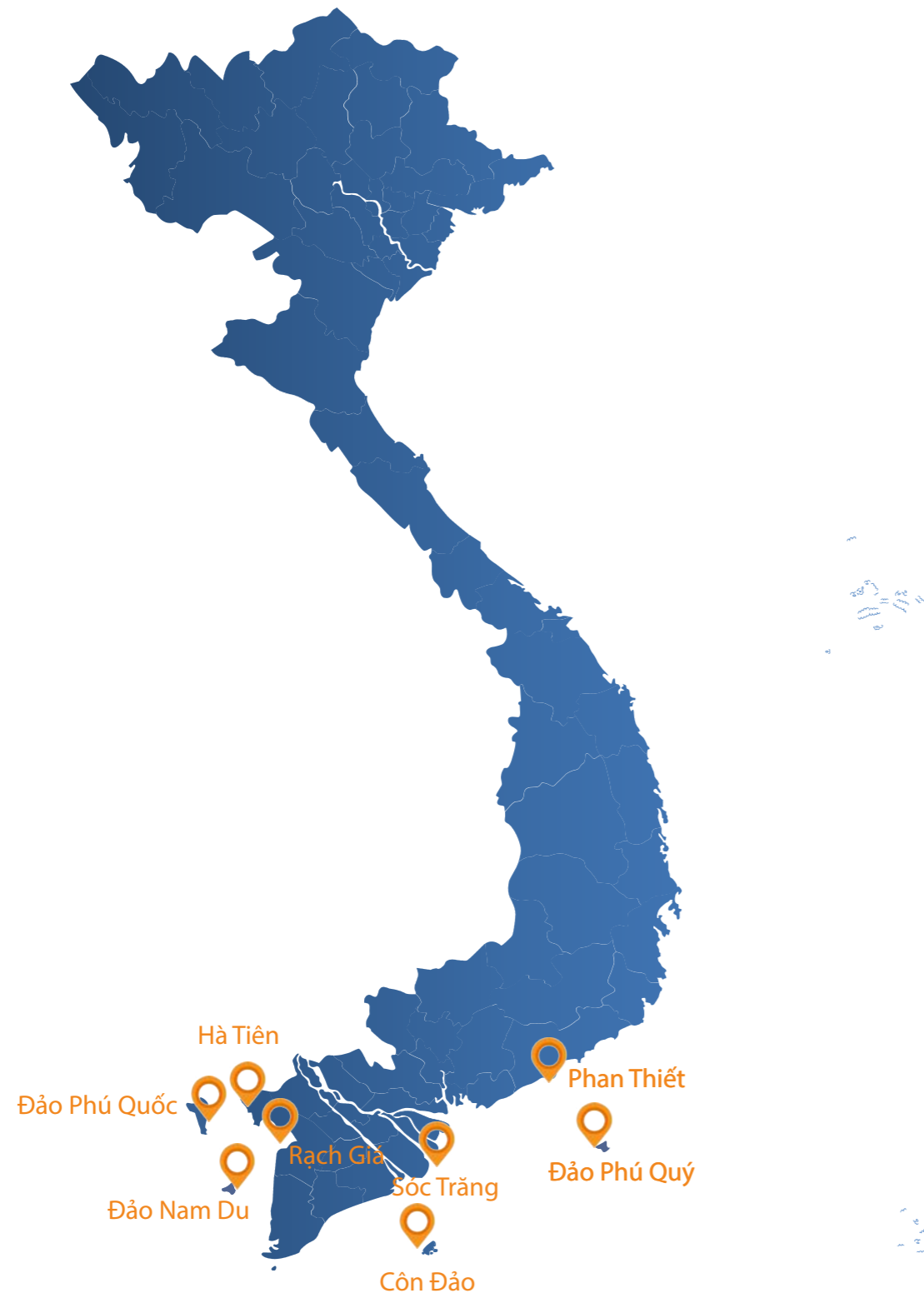
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI TÀU SUPERDONG

Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/giờ)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.600	171	22	13	2,5
Tàu Superdong II	1.518	261	26	12	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	28	11	1,15
Tàu Superdong IV	2.080	306	28	12	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	26	11	1,15
Tàu Superdong VI	1.518	275	26	11	1,3
Tàu Superdong VII	2.420	275	31	13	2,0
Tàu Superdong VIII	2.420	275	31	13	2,0
Tàu Superdong IX	1.518	275	26	12	1,15
Tàu Superdong X	1.518	275	26	12	1,15
Tàu Superdong XI	1.518	275	26	13	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	26	12	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.008	306	27	12	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.008	306	27	12	2,5
Tàu Superdong Phú Quý I	2.420	306	27	14	2,1
Tàu Superdong Phú Quý II	2.420	246	27	12	2,1
Phà Superdong PI	1.518	229	12	13	1,15
Phà Superdong PII	1.518	229	12	13	1,15

Công ty luôn tập trung phát triển đội tàu không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng với kỹ thuật an toàn, ổn định, tiện nghi, hiện đại; từ đó, tạo nên thành công của thương hiệu Superdong trong suốt thời gian qua.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Với 06 tuyến vận chuyển đang khai thác, địa bàn hoạt động của Công ty hiện nay nằm tại tỉnh Kiên Giang, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Bình Thuận của Việt Nam.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm:

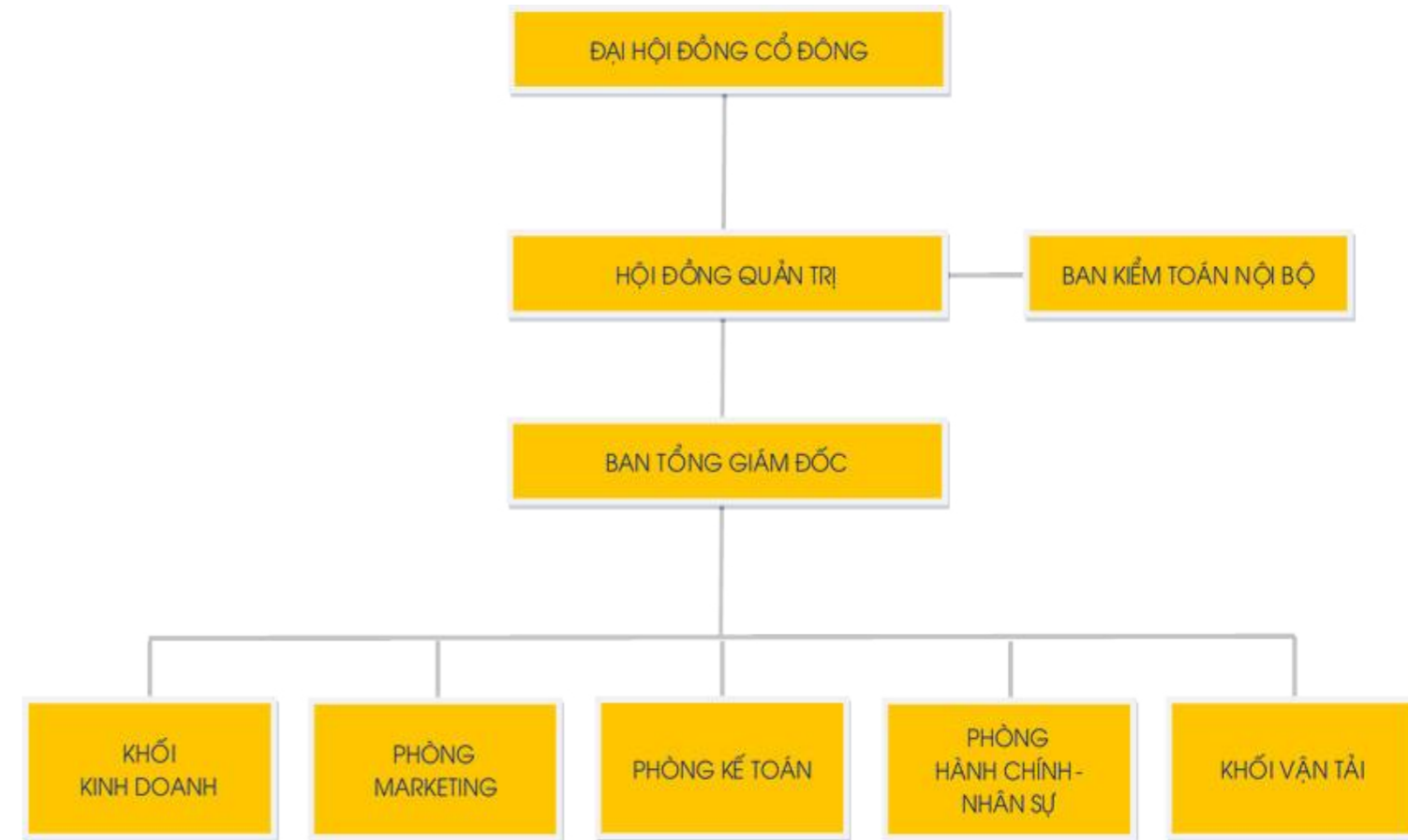
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm toán nội bộ (trực thuộc Hội đồng quản trị);
- Ban Tổng Giám đốc;
- Các Phòng ban và Khối chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kế toán, Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Marketing và Khối Kinh doanh, Khối Vận tải.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang có cơ cấu tổ chức hoạt động gồm 01 Trụ sở chính đặt tại Phú Quốc, 03 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo và Phú Quý; 01 Văn phòng đại diện tại Tp. Hồ Chí Minh và một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Ngày nay, khi xã hội đã phát triển tới một trình độ nhất định thì các nhu cầu cơ bản của con người cũng được nâng lên tầm cao hơn, di chuyển không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu kiếm sống, mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ của con người. Giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch thể hiện rõ nhất điều này; đây cũng chính là mục tiêu, đối tượng chính mà Công ty hướng tới.

Tiêu chí "AN TOÀN - ỔN ĐỊNH - ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI - TIỆN LỢI - DỊCH VỤ ĐA DẠNG - GIÁ CẢ HỢP LÝ" luôn gắn liền với phương châm hoạt động của Công ty. Từ đó, Công ty đã xây dựng được thương hiệu Superdong vững mạnh với các ưu thế như đội tàu hiện đại, an toàn; đội ngũ nhân viên lành nghề, tác phong chuyên nghiệp; mạng lưới phân phối rộng rãi nhằm mang lại dịch vụ vận chuyển kết nối đến các đảo Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo và Phú Quý với nhiều tiện ích cho khách hàng như xe trung chuyển, dịch vụ ăn uống nhanh.

Công ty luôn duy trì mục tiêu cải tiến từng ngày nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất, qua đó củng cố vị trí dẫn đầu trên thị trường nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, góp phần phát triển ngành vận tải đường thủy, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Ngày nay, vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được quan tâm, coi trọng. Đặt mục tiêu phát triển bền vững, cân bằng hài hòa giữa lợi ích kinh tế với các mục tiêu về môi trường, xã hội và cộng đồng, Công ty luôn chấp hành nghiêm các quy định, chủ động tham gia đồng hành, đưa ra các sáng kiến, giải pháp trong các lĩnh vực này.

Mỗi cá nhân đều là một nhân tố quan trọng, có thể tác động tới môi trường, xã hội và cộng đồng; vì vậy, Công ty luôn đặc biệt quan tâm tới nguồn nhân lực, xem người lao động là tài nguyên quý giá, thể hiện qua các chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên, người lao động được làm việc trong môi trường thân thiện, cạnh tranh và công bằng.



Cam kết

Công ty đã, đang và sẽ chủ động tham gia vào các chương trình có ý nghĩa tích cực với môi trường, xã hội, cộng đồng và phù hợp với các tiêu chí do doanh nghiệp đưa ra; đặc biệt quan tâm tới các lĩnh vực có liên quan đến ngành nghề hoạt động và các dự án hướng tới vấn đề an sinh xã hội.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Vận tải hành khách và hàng hóa bằng phương tiện chuyên chở cao tốc theo tuyến cố định được xác định là lĩnh vực kinh doanh chủ đạo của Công ty, hướng tới mục tiêu mang lại chất lượng và sự hài lòng cao nhất cho khách hàng; từ đó, giữ vững vị thế đầu ngành trong địa bàn khai thác.

Nhu cầu vận chuyển hành khách và hàng hóa kết nối đất liền và các đảo du lịch có dư địa phát triển mạnh mẽ không chỉ trong nước, mà còn đầy tiềm năng với các thị trường trong khu vực. Công ty luôn chủ động tìm kiếm các khu vực phù hợp để mở rộng địa bàn khai thác nhằm gia tăng lợi nhuận, tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần phát triển du lịch, kinh tế cho địa phương và nước nhà.

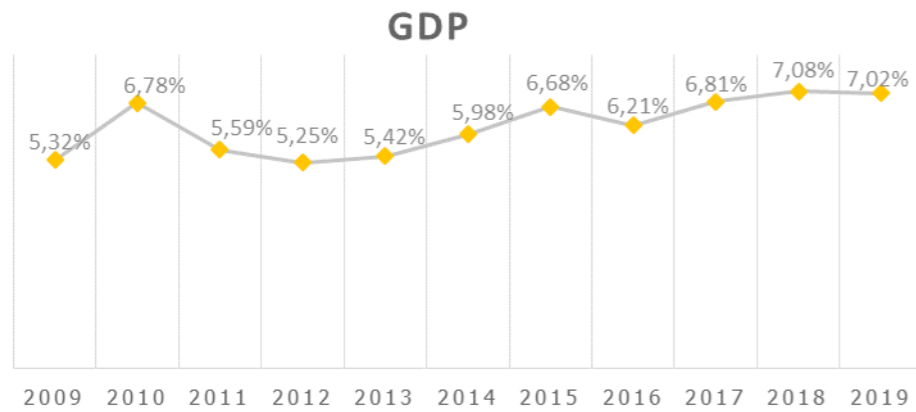
Xu thế hiện nay cho thấy, để gia tăng sức mạnh nội tại, củng cố và phát huy được vị thế đầu ngành thì cần xây dựng được hệ sinh thái phù hợp nhằm mang lại sự tiện lợi cho khách hàng. Công ty đang và dự kiến sẽ thực hiện đầu tư thí điểm các dịch vụ vệ tinh phụ trợ như: xây dựng khu cầu cảng phức hợp với các dịch vụ ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú, giải trí,... và dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam được đánh giá khá tích cực trong bối cảnh nền kinh tế thế giới không thực sự khởi sắc; thể hiện qua tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả năm 2019 tăng 7,02%, CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018 cho thấy chỉ tiêu này được kiểm soát và tăng ở mức thấp; từ đó, tạo bước đà cho các doanh nghiệp phát triển.

Trong đó, vận tải đường thủy nội địa đạt 200,6 triệu lượt khách, tăng 2,5% và vận tải hàng hóa đường thủy nội địa đạt 303,4 triệu tấn, tăng 5,06% so với năm trước; tuy nhiên, giá xăng, dầu cũng tăng đến 22,2%. Đó vừa là những thuận lợi, đồng thời cũng là những thách thức đối với một doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách và hàng hóa theo tuyến cố định như Công ty.



Để một doanh nghiệp phát triển bền vững đòi hỏi nền kinh tế phải tăng trưởng ổn định. Nền kinh tế năm 2020 được dự báo sẽ gặp nhiều khó khăn trước nguy cơ suy thoái do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhiều nền kinh tế bị đình trệ, chuỗi sản xuất - cung ứng - tiêu dùng bị gián đoạn kéo theo sự sụt giảm của nhiều ngành nghề, lĩnh vực; trong đó, thiệt hại nặng nề nhất gần như thuộc về lĩnh vực vận tải. Do đó, năm 2020 sẽ là một năm đầy chông gai, thử thách đối với ngành vận tải đường thủy và Công ty cũng khó tránh khỏi vòng xoáy này.

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Chiếm tỷ trọng lớn hơn 50% trong chi phí vốn hoạt động, dầu DO là nhiên liệu vận hành chính cho các phương tiện vận tải hiện nay của Công ty nên khi giá dầu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động cũng như lợi nhuận của Công ty. Giá xăng dầu trong năm có xu hướng tăng vào cuối năm với mức giá dầu thô trung bình vào khoảng 60 USD/thùng, do thỏa thuận của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) về việc giảm sản lượng và dự báo về việc chiến tranh thương mại giảm nhiệt trong thời gian tới làm mức cầu nhiên liệu của thế giới tăng lên. Bước sang năm 2020, nhiều tổ chức dầu mỏ đều hạ mức dự báo đối với giá dầu; đặc biệt, từ sau sự bùng phát của dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ tới tổng cầu về nhiên liệu, từ đó tác động vào giá dầu theo xu hướng giảm; đây được xem như một yếu tố hỗ trợ tích cực trong vô vàn những khó khăn khác đối với hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm nay.

RỦI RO PHƯƠNG TIỆN THAY THẾ

Sự phát triển về hàng không, đặc biệt là khi các hãng hàng không giá rẻ xuất hiện đã làm thay đổi sự lựa chọn phương tiện vận chuyển của các khách hàng khu vực miền Bắc, miền Trung và khách từ nước ngoài. Dù vậy, sự biến động này lại không tác động quá lớn tới hoạt động kinh doanh; thậm chí, ở một góc độ khác, sự thay đổi này lại làm gia tăng thêm nhu cầu vận chuyển cho Công ty. Bởi, đối tượng hành khách chính của Công ty gồm người dân địa phương, người lao động tại đảo, hành khách đi du lịch theo hành trình từ Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Campuchia qua các tuyến tàu của Công ty đến các đảo; các hãng hàng không càng tăng thêm chuyến bay thì lại càng giúp Công ty trung chuyển hành khách, hàng hóa nhiều thêm.

Bên cạnh đó, hệ thống giao thông vận tải của các tỉnh miền Tây Việt Nam những năm qua liên tục được đầu tư hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho việc di chuyển giữa các vị trí kinh tế quan trọng trong khu vực. Điều này làm tăng nhu cầu đi lại bằng phương tiện giao thông đường bộ; qua đó làm tăng thêm nhu cầu vận chuyển bằng phà đối với các phương tiện vận tải và hàng hóa.



RỦI RO NHÂN SỰ

Dịch vụ vận tải đường thủy có đặc thù riêng, nguồn nhân lực khá hạn chế do phải đảm bảo các yêu cầu về chuyên môn và thành thạo các kỹ năng cứu hộ, xử lý các tình huống khẩn cấp. Đội ngũ nhân sự này có tác động rất lớn đến sự vận hành và là một trong những yếu tố tạo nên thành công cho doanh nghiệp. Do đó, có sự cạnh tranh khá cao đối với việc tuyển dụng nhân sự trong lĩnh vực này.

Hiểu được điều này, Công ty rất chú trọng việc đào tạo, cập nhật những kiến thức và bắt kịp xu hướng mới nhất trong ngành để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn của nguồn nhân lực; cũng chính là cơ sở để giúp cho dịch vụ của Công ty đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm tới chính sách phúc lợi và đãi ngộ cho người lao động nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân viên, từ đó làm tăng năng suất lao động.

RỦI RO THỜI TIẾT

Những thay đổi bất thường của thời tiết gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty, làm lịch trình tàu chạy có thể thay đổi do các phương tiện vận tải sẽ không được phép rời cảng nếu điều kiện thời tiết không đảm bảo an toàn được cho hành khách. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu do có bờ biển dài, khí hậu thay đổi làm thời tiết diễn biến bất thường rất khó dự đoán; từ đó, ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống người dân cũng như hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của rủi ro này, Công ty luôn phải chủ động cập nhật dự báo thời tiết thường xuyên tại các địa bàn hoạt động, đề ra các kế hoạch, biện pháp ứng biến khi gặp tình huống bất lợi.

RỦI RO MÙA VỤ

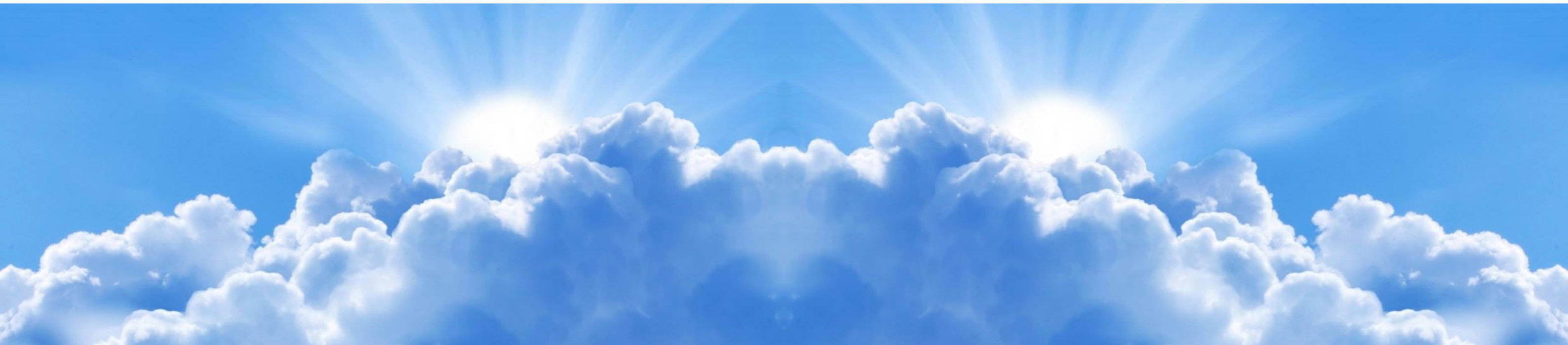
Du lịch luôn có yếu tố thời vụ nên hoạt động vận chuyển đến các đảo du lịch nổi tiếng cũng bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ. Yếu tố này tác động trực tiếp lên cung - cầu về vận tải; từ đó, đặt ra bài toán lớn cho các doanh nghiệp cùng ngành trong việc tính toán đầu tư bao nhiêu phương tiện chuyên chở và kích cỡ mức nào để đáp ứng đủ vào dịp cao điểm và không quá dư thừa trong thời gian còn lại. Hiểu rõ về đặc thù này, Công ty luôn thận trọng khi đưa ra quyết định đầu tư phương tiện, cũng như quan tâm sát sao tới công tác điều phối tàu và giờ khởi hành; đồng thời, Công ty cũng đưa ra các chính sách, chương trình marketing thích hợp nhằm thu hút khách hàng vào các dịp thấp điểm nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất.

RỦI RO KHÁC

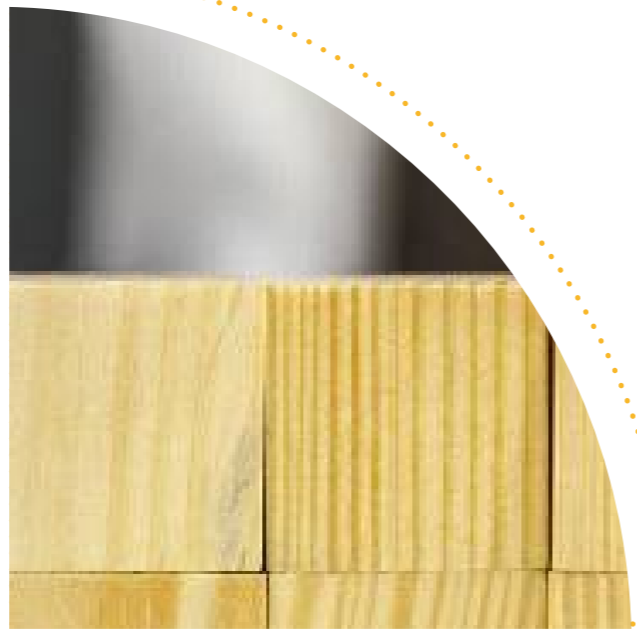
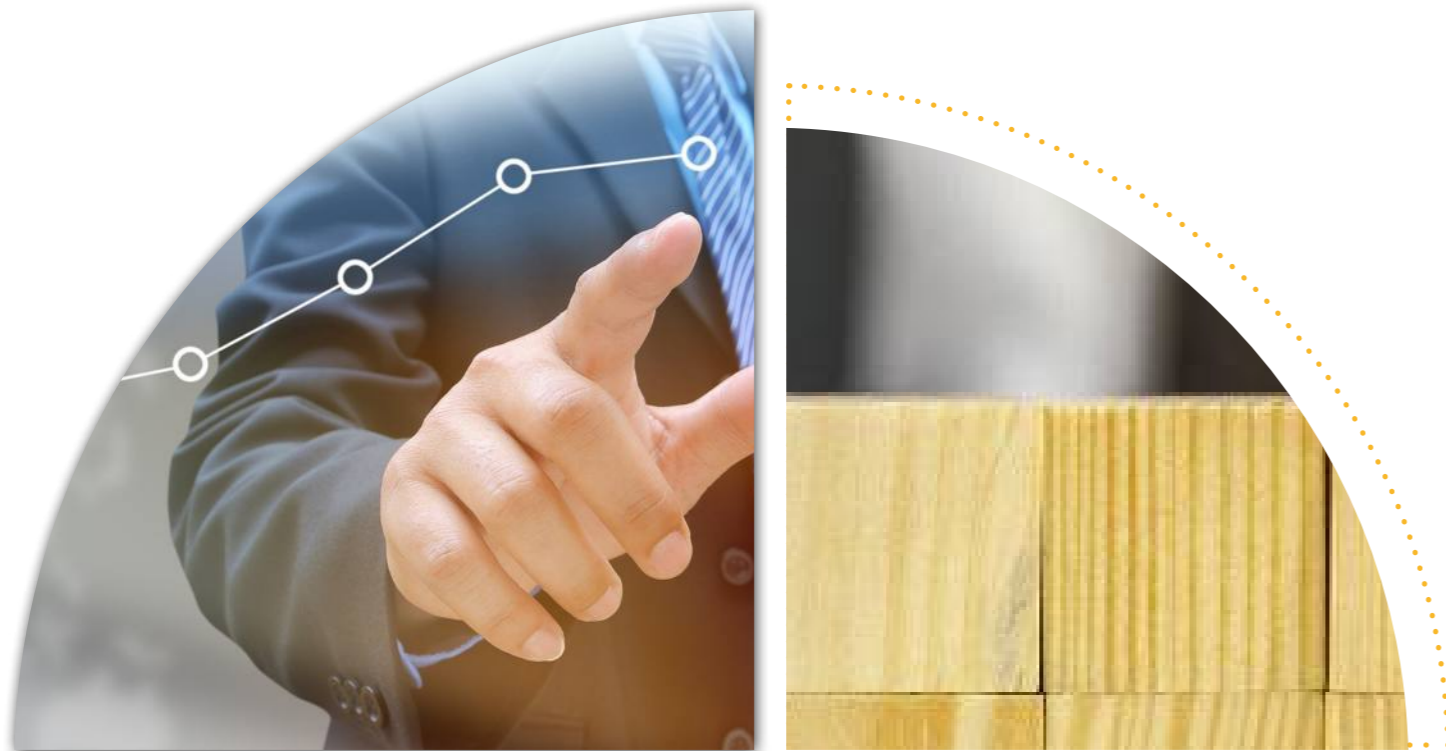
Cũng như các doanh nghiệp khác, hoạt động của Công ty còn có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng như cháy, nổ, thiên tai, dịch bệnh... Công ty luôn chủ động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy trình về đảm bảo an toàn lao động, vận hành, quan tâm đến các yếu tố bảo vệ môi trường, hạn chế tác động đến môi trường xung quanh, tuân thủ đúng các quy định về đăng kiểm, an toàn hàng hải và thực hiện chế độ bảo hiểm đầy đủ.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một chủ thể kinh doanh trong lĩnh vực vận tải đường thủy, hoạt động dưới loại hình công ty cổ phần có chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau như doanh nghiệp, chứng khoán, thuế, lao động, hàng hải, vận tải...Hiện, các văn bản này đều thường xuyên được sửa đổi, bổ sung và thay thế đã tác động không nhỏ tới hoạt động kinh doanh, điều hành của các công ty nói chung và SKG nói riêng; đặc biệt, còn tồn tại nhiều quy định về phân cấp tàu, an toàn hàng hải không thực sự phù hợp với thực tế đã gây nhiều trở ngại cho Công ty khi thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã tích cực phối hợp với các cơ quan ban ngành để kiến nghị, đề xuất giải quyết các vướng mắc, cũng như chủ động theo dõi, cập nhật các thay đổi để có sự chuẩn bị chu đáo và thực hiện đúng quy định của pháp luật.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- Ban Tổng Giám đốc
- Hội đồng quản trị
- Những thay đổi nhân sự
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động



Thành viên	Chức vụ
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng

Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm TGD

- Năm sinh** : 14/06/1965
- Trình độ chuyên môn** : Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác**
- **1987 - 1989** : Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD
 - **1994 - 1999** : Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD
 - **1990 - 05/2014** : Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD
 - **1990 - nay** : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
 - **2008 - 2009** : Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
 - **2010 - nay** : TV HĐQT kiêm TGD CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác** : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty: Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; Trillion Leader SDN.BHD
- Số lượng CP nắm giữ** : 10.470.757 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,53% VDL





Bà Nguyễn Thị Kim Hồng - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh : 13/08/1979

Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

- **2001 - 2007** : Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam
- **2008 - 2010** : Trưởng phòng Hành chính - Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan
- **2011 - 05/2016** : Trợ lý Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **06/2016 - nay** : Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng CP nắm giữ : 33.101 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,052% VDL

Bà Bùi Thị Hồng Đào - Kế toán trưởng

Năm sinh : 22/10/1984

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán - Kiểm toán

Quá trình công tác

- **06/2007 - 05/2009** : Kế toán Tổng hợp kiêm Kế toán trưởng CTS Software
Trưởng phòng Kế toán TKM Group (gồm 3 Công ty và 1 Cửa hàng)
- Công ty Cổ Phần Chúng Ta Đẹp
- **06/2009 - 04/2014** : - Công ty TNHH Toàn Phúc
- DNTN TM Thiện Kim
- Cửa hàng Hưng Thuận
Kế toán trưởng tại YouNet Group (gồm 6 Công ty và 1 Văn phòng)
- Công ty Cổ Phần YouNet
- Công ty Cổ Phần YouNet Media
- Công ty Cổ Phần YouNet Social Intranet
- **05/2014 - 08/2018** : - Công ty Cổ Phần YouNet Digital
- Công ty Cổ Phần Buzz Metrics
- Công ty Cổ Phần Smart City
- Văn phòng tại US - YouNet LLC
- **09/2018 - nay** : Kế toán trưởng Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng CP nắm giữ : 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Thành viên	Chức vụ
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà La Xuân Đào	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên HĐQT độc lập
Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên HĐQT không điều hành

Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh : 12/09/1981

Trình độ chuyên môn :
- Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp
- Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004

Quá trình công tác

- **2003 - 2007** : Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
- **2008 - 2009** : Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **2010 - 2011** : Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **04/2011 - 04/2014** : Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **2012 - 04/2014** : Giám đốc Hành Chính - Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **04/2014 - nay** : Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng CP nắm giữ : 1.422.366 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,246% VDL

Ông Puan Kwong Siing - Thành viên HĐQT kiêm TGD

Vui lòng xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh : 07/04/1986

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Luật Kinh tế

Quá trình công tác

- **2010 - 04/2018** : Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- **04/2018 - nay** : Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Số lượng CP nắm giữ : 14.844 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,023% VDL

Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ - Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 12/03/1957

Trình độ chuyên môn : Cử nhân SỬ; Cử nhân Ngoại ngữ; Cao cấp chính trị; Quản lý kinh tế

Quá trình công tác

- **1975 - 1987** : Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin Tp. HCM
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam
- Phó Chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP. HCM
- **1988 - 2012** : Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương Tp. HCM
- Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11
- Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình
- **2004 - nay** : Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang
- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam
- **2012 - nay** : - TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc
- **2014 - nay** : Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang - Phú Quốc
- **2016 - nay** : Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Hàm Ninh
- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác :
- Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc
- Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang Phú Quốc
- Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Hàm Ninh

Số lượng CP nắm giữ : 640.008 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,011% VDL

Bà La Xuân Đào - Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh	:	10/07/1959
Trình độ chuyên môn	:	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác		
• 1983 - 1998	:	Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Kế toán - Tài chính - Ngân hàng Trường Đại học Cần Thơ
• 1998 - 2002	:	Chuyên viên tư vấn Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán AFC Saigon
• 2003 - 2010	:	Giảng viên, Trưởng bộ môn Kế toán Kiểm toán Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia Tp. HCM
• 2011 - 2012	:	Phó trưởng khoa Kế toán Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
• 2012 - 2014	:	Trưởng khoa, Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
• 2015 - 2017	:	Trưởng bộ môn Kiểm toán Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
• 2017 - 07/2019	:	Giảng viên Trường Đại học Kinh tế - Luật ĐHQG Tp. HCM
• 04/2018 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
• 08/2019 - 12/2019	:	Nghỉ hưu theo chế độ
• 01/2020 - nay	:	Giảng viên bán cơ hữu Trường Đại học Mở Tp. HCM
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Thành viên BKS Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Tp. HCM (ITC).
Số lượng CP nắm giữ	:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL



Ông Phan Hồng Phúc - Thành viên HĐQT độc lập kiêm Trưởng ban Kiểm toán nội bộ

Năm sinh	:	12/01/1980
Trình độ chuyên môn	:	- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán; - Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng; - Chứng nhận bồi dưỡng kiểm toán viên.
Quá trình công tác		
• 2003 - 2005	:	Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán Trung lập
• 2006 - 2007	:	- Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM DV Rỗng Lửa - Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất
• 2008 - 2015	:	- Kế toán trưởng Công ty TNHH May Effort - Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Cộng tác viên Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nhất
• 2016 - nay	:	- Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam) - Cộng tác viên Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ
• 04/2018 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
• 05/2018 - nay	:	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Kế toán trưởng Công ty TNHH Leaderweld Alloy Rod (Việt Nam)
Số lượng CP nắm giữ	:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Ông Tăng Siêu Tâm - Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh	:	07/11/1990
Trình độ chuyên môn	:	- Thạc sỹ ngành Thương mại; - Cử nhân Kinh tế tài chính - Chuyên ngành Phân tích tài chính.
Quá trình công tác		
• 14/09/2015 - 18/03/2016	:	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSC)
• 18/07/2016 - 01/08/2017	:	Chuyên viên phân tích khối khách hàng cá nhân Công ty Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
• 16/08/2017 - 31/01/2018	:	Chuyên viên phân tích Quỹ đầu tư Phoenix Capital
• 01/03/2018 - nay	:	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh
• 04/2018 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	:	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Quang Phương Thịnh
Số lượng CP nắm giữ	:	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL

Năm 2019, Ban Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm chức danh cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm
Ông Chua Peng Teck	Phó Tổng Giám đốc	31/05/2019



Thời gian làm việc

Thời gian làm việc của Công ty đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về lao động. Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày và không vượt quá 48 giờ một tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc, nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và có chế độ đãi ngộ thích hợp và xứng đáng.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Chế độ nghỉ lễ, tết của nhân viên tuân thủ đúng các quy định về lao động. Nhân viên làm việc trên 12 tháng tại Công ty được nghỉ 12 ngày phép trong năm. Nhân viên làm chưa đủ 12 tháng, số ngày nghỉ phép được tính theo thời gian thực tế làm tại Công ty, cứ 01 tháng làm việc tương ứng với 01 ngày nghỉ phép trong năm. Nhân viên làm việc trên 05 năm tại Công ty, cứ 05 năm được cộng thêm một ngày nghỉ phép. Công ty thực hiện thanh toán lương nghỉ ốm theo pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội. Nhân viên nữ được hưởng chế độ thai sản theo quy định về trợ cấp và nghỉ sinh.

Điều kiện làm việc

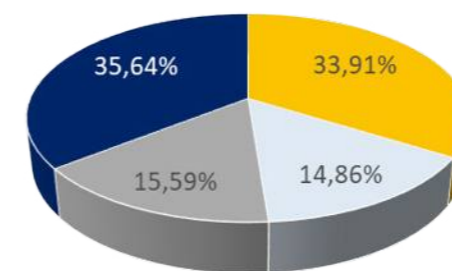
Công ty luôn chú trọng công tác đảm bảo an toàn lao động, nơi làm việc như văn phòng và phương tiện vận tải đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho công việc và phòng tránh tai nạn lao động. Nhân viên được trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động, được cung cấp 03 bộ đồng phục/năm/người; Đồng thời, tất cả nhân viên đều được đào tạo kiến thức và ý thức tự giác về an toàn lao động để tự bảo vệ bản thân. Công ty đảm bảo nơi làm việc sạch sẽ, thoáng khí và đầy đủ ánh sáng. Bên cạnh đó, hằng năm, Công ty đều tổ chức kiểm tra sức khỏe tổng quát cho tập thể cán bộ công nhân viên, thuyền viên.



Tình hình nhân sự tính đến 31/12/2019

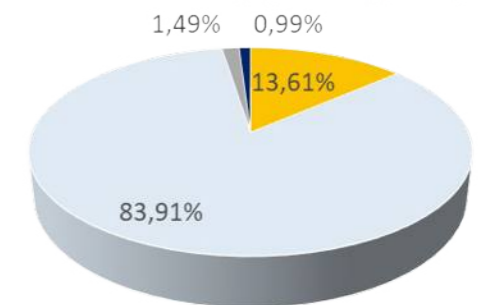
STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
I Theo trình độ lao động			
1	Trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học	137	33,91%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	60	14,86%
3	Trình độ sơ cấp chuyên nghiệp	63	15,59%
4	Trình độ lao động phổ thông	144	35,64%
II Theo loại hợp đồng lao động			
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	55	13,61%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	339	83,91%
3	Hợp đồng thời vụ	6	1,49%
4	Hợp đồng thử việc	4	0,99%

Cơ cấu lao động theo trình độ



■ Cao đẳng, Đại học, Trên Đại học
 ■ Trung cấp
■ Sơ cấp chuyên nghiệp
 ■ Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo hợp đồng



■ Hợp đồng không thời hạn
 ■ Hợp đồng từ 1 - 3 năm
■ Hợp đồng thời vụ
 ■ Hợp đồng thử việc

Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Công ty luôn chú trọng các hoạt động mở rộng kinh doanh, vì vậy nguồn nhân lực của Công ty cần được tăng cường về cả số lượng và chất lượng. Hằng năm, Công ty đều tạo điều kiện cho người lao động được tham gia các khoá huấn luyện, đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn. Ngoài ra, người lao động còn được tham gia các khoá huấn luyện về kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý, tư vấn, giao tiếp để có được sự phục vụ tốt nhất cho khách hàng.

Công ty đã xây dựng được chiến lược, mục tiêu và định hướng cho nguồn nhân lực để đưa vào thực hiện gồm: xây dựng đội ngũ nhân viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về chuyên môn, có đầy đủ kiến thức về lĩnh vực kinh doanh của Công ty, có thái độ phục vụ khách hàng phải lịch sự, nhạy bén, thấu hiểu cùng sức khoẻ tốt và có ý thức tiết kiệm, kỷ luật, tự giác, tác phong làm việc chuẩn xác, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để nhân viên, thuyền viên nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các khóa đào tạo về quản lý, tư vấn, giám sát, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác,... nhằm phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn cho công việc.



Đào tạo

Công ty xem kế hoạch đào tạo nhân sự là kế hoạch mang tính chiến lược, thông qua việc đào tạo bài bản về chuyên môn và kỹ năng mềm khác sẽ tạo ra giá trị lớn nhất cho chính nhân viên lẫn Công ty. Kế hoạch đào tạo của Công ty chú trọng khuyến khích nhân viên phát triển bản thân để đáp ứng những yêu cầu cho công việc, vị trí hiện tại, đồng viên người lao động nỗ lực cho những vị trí cao hơn trong tương lai.

Hiện tại, các nhân viên, thuyền viên đang làm việc tại Công ty đều đáp ứng đầy đủ về mặt chuyên môn, kinh nghiệm lẫn kỹ năng, đảm bảo phục vụ tốt cho các mặt hoạt động của Công ty. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty có tổng cộng 48 nhân viên tham gia học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và đã chính thức được cấp bằng; Trong đó, có 01 nhân viên sỹ quan máy học nâng cao thành máy trưởng, 13 thợ máy học nâng cao thành sỹ quan máy, 03 sỹ quan máy học nâng cao thành máy hai, 05 thuyền phó học nâng cao thành thuyền trưởng, 05 sỹ quan boong học nâng cao quản lý thành thuyền phó, 03 thủy thủ học nâng cao thành thủy thủ AB, 70 phục vụ học nâng cao thành thủy thủ, 01 phục vụ học nâng cao thành thợ máy, 10 thủy thủ học nâng cao thành sỹ quan boong.

Dự kiến năm 2020, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp và lớp quản lý cấp trung cho các cấp phó, trưởng tại các phòng ban nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, từ đó gia tăng chất lượng dịch vụ của Công ty.

Chính sách lương

Chính sách lương của Công ty được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Mức lương đưa ra phù hợp với trình độ, năng lực, công việc của từng người và mang tính cạnh tranh cao.

Năm	Lương bình quân	Tỷ lệ tăng (%)	Giải trình
2010	7.752.000	+92,4%	Tăng cao do tuyển dụng nhiều nhân viên ở cấp quản lý.
2011	9.596.000	+23,8%	Tăng cao do tuyển thêm nhiều nhân sự chủ chốt.
2012	9.509.000	-0,9%	Thực tế, tỷ lệ tăng lương từ 3 - 40% tùy từng công việc; tuy nhiên, do thường xuyên nhập khẩu tàu mới nên Công ty phải tuyển lao động mới liên tục. Nhân viên mới có mức lương thấp nên ảnh hưởng đến lương bình quân chung toàn Công ty.
2013	9.083.000	-4,8%	
2014	8.084.000	-10,9%	
2015	8.115.909	+0,4%	Năm 2015, tỷ lệ tăng lương thực tế từ 5 - 30%; Tuy nhiên, việc tuyển 57 nhân sự mới có mức lương thấp so với mặt bằng chung đã tác động tới mức lương bình quân toàn Công ty.
2016	8.570.426	+5,6%	Tăng từ 8 - 13%, tùy từng vị trí công việc; Trong đó, cấp quản lý tăng từ 8 - 10%, cấp nhân viên tăng 13%.
2017	8.617.337	+0,5%	Tăng từ 7 - 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên. Công ty tuyển thêm nhiều nhân viên để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên - Phú Quốc, nhân viên mới có mức lương khởi điểm thấp đã tác động đến mức lương bình quân toàn Công ty.
2018	9.417.489	+9,29%	Tăng từ 7 - 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên.
2019	10.166.058	+10,79%	Năm 2019 là năm hoạt động gặp nhiều khó khăn từ cạnh tranh với những hãng tàu khác; bão và sóng gió liên tục gây thiệt hại về doanh thu nhưng vì yếu tố cạnh tranh nhân sự và khan hiếm lao động, lương của nhân viên Công ty vẫn tăng từ 7 - 15%. Số lượng nhân sự năm 2019 tăng 1,3% so với năm 2018 nhằm đáp ứng cho hoạt động của bến cảng Trần Đề và chuẩn bị nhân sự cho phà cao tốc mới.

Dự kiến năm 2020, mức tăng lương sẽ 4 -15% tùy từng vị trí công việc; cụ thể, cấp quản lý tăng từ 4 - 10%, cấp nhân viên tăng 15%.



Chính sách thưởng

Công ty xây dựng chính sách thưởng hấp dẫn, nhằm động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động và cống hiến cho sự phát triển của Công ty. Công ty có chính sách thưởng cho cá nhân, tập thể dựa trên kết quả kinh doanh thực tế. Ngoài ra, còn có các khoản thưởng định kỳ vào các dịp lễ, tết như Tết dương lịch, Ngày Quốc tế phụ nữ, Giỗ tổ Hùng Vương, Lễ 30/4 - 1/5, Ngày Quốc khánh.

Chế độ thưởng tết 2020: từ 01 tháng đến 2,5 tháng lương tùy theo thâm niên và sự đóng góp của từng cá nhân cho Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm: Công ty đảm bảo toàn thể nhân viên làm việc từ 02 tháng trở lên đều được tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.

Phúc lợi: trong năm 2019, Công ty duy trì thực hiện nhiều chính sách phúc lợi:

- Đối với những nhân viên tham gia công đoàn có hoàn cảnh khó khăn sẽ được hỗ trợ vay vốn từ quỹ công đoàn.
- Tổ chức cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn về chuyên môn để nâng cao tay nghề; bên cạnh đó, có các khoá học để nâng cao kỹ năng mềm: tiếng Anh, giao tiếp, đào tạo cán bộ cấp trung,...
- Tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho tập thể nhân viên, góp phần nâng cao đời sống tinh thần.
- Với mục đích khuyến khích nhân viên đã có quá trình làm việc gắn bó lâu dài với Công ty, nhân sự làm việc trong Công ty từ đủ 12 tháng trở lên được hưởng chính sách ưu đãi sử dụng dịch vụ Công ty; cụ thể, nhân viên được định kỳ cấp phát vé mời sử dụng cho tất cả các tuyến do Công ty trực tiếp khai thác, voucher ưu đãi giảm giá 20% với số lượng từ 12 vé đến 18 vé cho mỗi loại tùy vào năm thâm niên làm việc. Ngoài ra, thân nhân của nhân viên gồm tú thân phụ mẫu, vợ/chồng và con của nhân viên khi có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Công ty sẽ được miễn phí tối đa 1 người/1 lần/1 tháng.

Sự tuân thủ pháp luật của nhân viên

Mọi cá nhân trong Công ty đều nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế đã được ban hành như: ký hợp đồng lao động, tuân thủ mọi quy định về nộp Thuế thu nhập cá nhân, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, ...



Kế hoạch nhân sự 2020

Dự kiến, Quý II năm 2020, cửa hàng tiện lợi tại Trần Đề sẽ được đưa vào hoạt động, Quý III năm 2020, phà cao tốc Rạch Giá sẽ đưa vào vận hành; do đó, nhu cầu lao động cũng tăng như sau:

- Lao động trực tiếp: 35 lao động với mức lương bình quân khoảng 8.500.000/người.
- Lao động gián tiếp:
 - + Rạch Giá : 15 lao động;
 - + Phú Quốc: 15 lao động;
 - + Sóc Trăng: 05 lao động.



Đơn vị: Triệu đồng

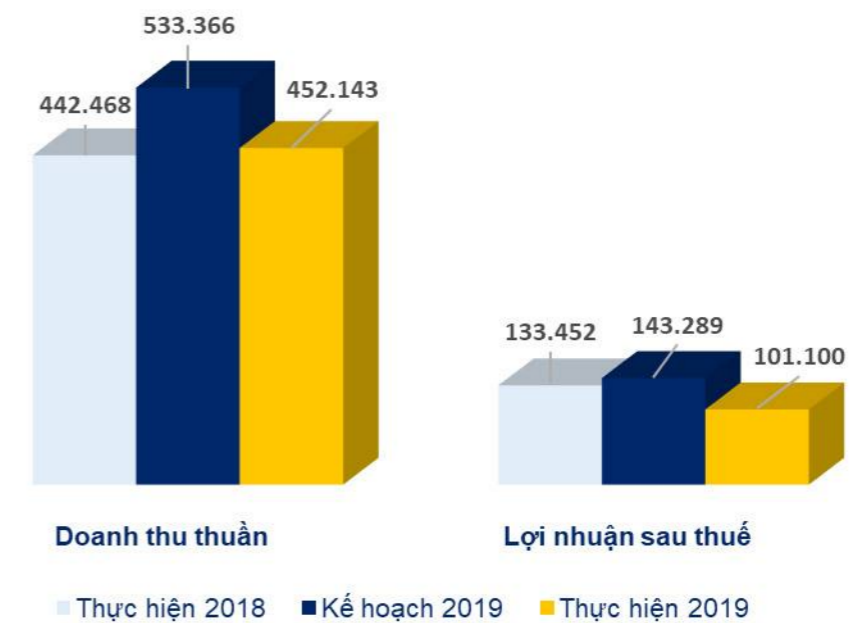
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019	TH 2019	%TH/KH 2019	%TH 2019/2018
Vốn điều lệ	575.750	633.325	633.317	99,99%	110,00%
Doanh thu thuần	442.468	533.366	452.143	84,77%	102,19%
Lợi nhuận sau thuế	133.452	143.289	101.100	70,56%	75,76%
LNST/DTT	30,16%	26,87%	22,36%	-	-
LNST/VĐL	23,18%	22,63%	15,96%	-	-



- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Tình hình vốn đầu tư của chủ sở hữu

SO SÁNH CÁC CHỈ TIÊU (ĐVT: Triệu đồng)



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Năm 2019, nền kinh tế Việt Nam có những điểm sáng đáng kể như GDP tăng 7,02% vượt mục tiêu Quốc hội đề ra từ 6,6% - 6,8%, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao, thị hiếu tiêu dùng và hưởng thụ ngày càng được nâng cấp; từ đó, thúc đẩy sự phát triển của ngành dịch vụ du lịch làm gia tăng nhu cầu vận chuyển người và hàng hóa; đồng thời, cũng tạo ra các cơ hội và thách thức cho các đơn vị hoạt động trong ngành. Là một doanh nghiệp có nhiều năm kinh nghiệm trong thị trường khai thác, Công ty hiểu được để tồn tại và thành công trong thị trường vận tải thủy theo tuyến cố định thì ngoài những yếu tố như đội ngũ nhân sự giỏi nghề, mạng lưới phân phối trải rộng, còn phải đặc biệt chú trọng tới các phương tiện chuyên chở vốn được biết tới là thế mạnh không dễ có được của Công ty để thực hiện các mục tiêu chủ chốt gồm giá dịch vụ ổn định, giờ khởi hành đa dạng, phương tiện an toàn, tiện nghi, sạch sẽ.

Năm qua được ghi nhận là một năm đầy thử thách và khó khăn đối với Công ty. Toàn thị trường chung vẫn trong kênh tăng trưởng, đội ngũ lãnh đạo và nhân viên đã rất nỗ lực nhưng vẫn xuất hiện những bất lợi tới từ các yếu tố có thể dự báo trước do cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới gia nhập thị trường làm tổng số giờ khởi hành tăng nhanh chóng gây tăng đột biến về cung và cả những yếu tố khó dự đoán do sự biến đổi khó lường của thời tiết khiến Công ty bị mất doanh thu do mưa bão, biển động, lũ lụt buộc phải hủy chuyến; điều kiện bến bãi hạn chế khiến Công ty chưa thể triển khai được chiến lược đa dạng loại hình dịch vụ bằng việc đưa vào hoạt động phà cao tốc tuyến Rạch Giá - Phú Quốc. Do đó, dù doanh thu thuần tăng 9,67 tỷ, tương đương mức tăng 2,19% so với năm trước song kết quả kinh doanh này vẫn chưa đạt được kế hoạch đề ra; lợi nhuận sau thuế giảm 24,24% so với cùng kỳ năm trước và đạt 70,56% kế hoạch đề ra, nguyên nhân chủ yếu là do giá vốn hàng bán, chi phí nhân công tăng mạnh so với năm 2018. Trong kỳ, Vốn điều lệ cũng tăng lên 633,3 tỷ đồng do Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gồm 10% tiền mặt và 10% cổ phiếu.

Nhờ đi sâu, đi sát với thị trường để nắm bắt kịp thời thị hiếu của khách hàng ở hiện tại và tương lai, trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, Công ty vẫn tìm được chiến lược cạnh tranh phù hợp nhằm giữ vững được vị thế dẫn đầu của thương hiệu Superdong. Công ty đã thực hiện cải tiến cả về kỹ thuật lẫn trang thiết bị cho đội tàu Superdong nhằm tạo ra lợi thế tối ưu hơn so với các phương tiện khác cùng ngành về tốc độ, tiện nghi và nhiên liệu tiêu hao. Cụ thể, trong năm 2019, Công ty đã nâng cấp thay mới máy chính của tàu cao tốc Superdong VII, VIII và hoán cải mũi cùng thay mới ghế tầng trên của tàu cao tốc Superdong Con Dao I, II thành ghế bật ngả sau.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU

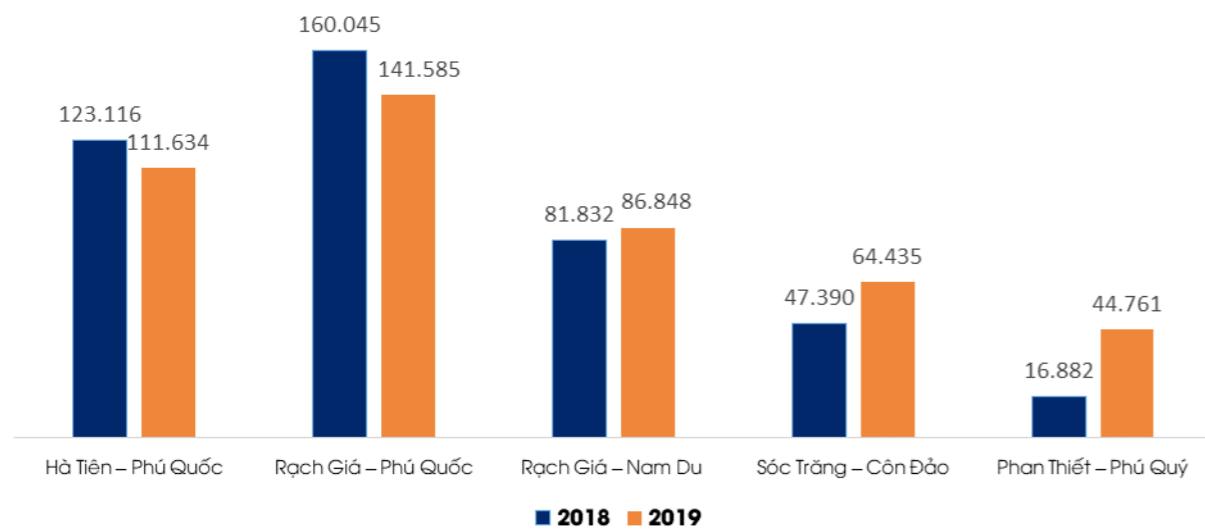
Đơn vị: Triệu đồng

Tên tuyến	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bến tàu Trần Đề	-	0,00%	569	0,13%
Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc	123.116	28,51%	111.634	24,69%
Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc	160.045	37,06%	141.585	31,31%
Tuyến Rạch Giá - Nam Du	81.832	18,95%	86.848	19,21%
Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo	47.390	10,97%	64.435	14,25%
Tuyến Phan Thiết - Phú Quý	16.882	3,91%	44.761	9,90%
Tuyến Phú Quốc - Nam Du	-	0,00%	150	0,03%
Xe trung chuyển	2.586	0,6%	2.161	0,48%
Tổng cộng	431.850	100%	452.143	100%

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

Đơn vị: Triệu đồng

Tên tuyến	Năm 2018		Năm 2019	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Bến tàu Trần Đề	-177	-0,10%	-1.242	-0,82%
Tuyến Hà Tiên - Phú Quốc	45.453	24,98%	24.864	16,38%
Tuyến Rạch Giá - Phú Quốc	83.843	46,07%	58.181	38,33%
Tuyến Rạch Giá - Nam Du	31.967	17,57%	33.011	21,75%
Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo	16.536	9,09%	26.228	17,28%
Tuyến Phan Thiết - Phú Quý	4.861	2,67%	11.275	7,43%
Tuyến Phú Quốc - Nam Du	-	0,00%	48	0,03%
Xe trung chuyển	-496	-0,27%	-571	-0,38%
Tổng cộng	181.986	100%	151.793	100%

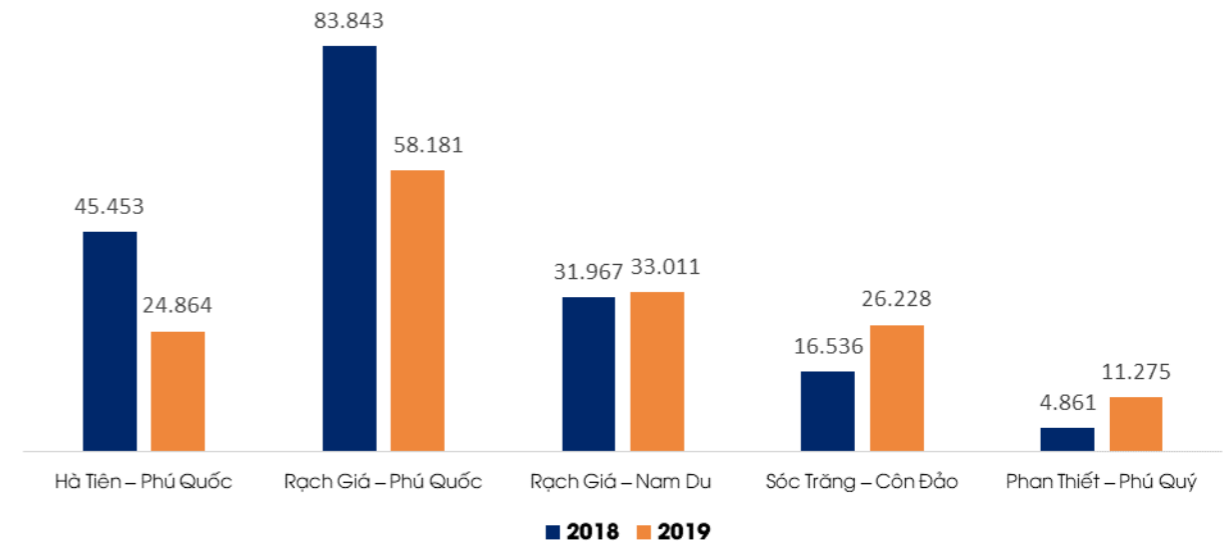


Doanh thu các tuyến quan trọng (ĐVT: Triệu đồng)

Năm qua, Công ty vẫn luôn tập trung hoàn toàn cho lĩnh vực kinh doanh chính là vận chuyển hành khách và hàng hóa theo tuyến cố định kết hợp với việc đầu tư một số dịch vụ bổ trợ nhằm củng cố vững chắc vị thế đầu ngành trong địa bàn hoạt động; theo đó, nguồn thu của Công ty chủ yếu đều đến từ (1) thị trường mới gồm tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo, tuyến Phan Thiết - Phú Quý; (2) thị trường truyền thống gồm tuyến Rạch Giá - Phú Quốc, tuyến Hà Tiên - Phú Quốc, tuyến Rạch Giá - Nam Du cùng tuyến mới khai trương trong tháng 12 năm 2019 là Phú Quốc - Nam Du.

Đối với thị trường mới: Hai tuyến tại thị trường này đều đã bắt đầu chứng tỏ được vị trí của mình trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp khi chiếm tỷ trọng khoảng 24%. Tuyến Sóc Trăng - Côn Đảo tăng trưởng do đã giải quyết được bất cập trong việc cấp phép tàu hoạt động trong điều kiện thời tiết trên cấp 7 từ giữa tháng 08 năm 2019 sau khi Công ty liên tục có văn bản kiến nghị, nhờ đó các tàu cao tốc Superdong Con Dao I & II được hoạt động nhiều hơn trong nửa cuối của năm qua.

Tại tuyến Phan Thiết - Phú Quý, Công ty đang dẫn đầu về mọi mặt như chất lượng phương tiện, chất lượng phục vụ, sự ổn định trong khai thác, tối ưu về tốc độ nên được khách hàng và các đối tác tin tưởng sử dụng; dù vậy, vẫn gặp một số hạn chế nhất định về bến bãi và điều kiện thời tiết đặc thù vùng miền gây ảnh hưởng đến tần suất khai thác cũng như ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu đặt ra cho tuyến này.



Lợi nhuận gộp các tuyến quan trọng (ĐVT: Triệu đồng)

Đối với thị trường truyền thống: năm 2019, trừ tuyến mới Phú Quốc - Nam Du mới chỉ hoạt động chưa đầy một tháng, các tuyến còn lại đều đóng góp tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, trong năm qua, thị trường truyền thống đã diễn ra một trong những cuộc cạnh tranh gay gắt nhất từ trước đến nay giữa Công ty và các công ty mới nối tiếp nhau gia nhập thị trường và đưa ra các chính sách cạnh tranh quyết liệt.

Trong bối cảnh đó, tuyến Rạch Giá - Nam Du vẫn tiếp tục là một điểm sáng khi vẫn duy trì được đà tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận xuất phát từ thế mạnh sở hữu nhiều phương tiện phù hợp điều kiện hoạt động và giá dịch vụ tốt nên Công ty không bị mất nhiều thị phần dù vẫn phải đối mặt với áp lực tăng chi phí hoa hồng cho đại lý. Tâm điểm của cạnh tranh diễn ra tại hai tuyến chính còn lại khi các công ty mới gia nhập để thu hút sự chú ý của khách hàng hơn do có ưu thế mới ra gây tình trạng tăng cung đột biến

Trong khi đó, Công ty lại gặp rất nhiều trở ngại bởi: (i) Không thể triển khai được chiến lược phục vụ đa dạng loại hình dịch vụ cho khách hàng với tốc độ, chất lượng dịch vụ và mức giá cạnh tranh do bến bãi cho phà cao tốc tuyến Rạch Giá - Phú Quốc không được xây dựng theo đúng kế hoạch. (ii) Bắt buộc phải giữ nguyên thậm chí tăng cường giờ khởi hành để giữ thị phần gây ảnh hưởng tới tỷ lệ lấp đầy và làm tăng giá vốn do nhiên liệu tiêu hao nhiều hơn. (iii) Các chi phí khác cũng phải tăng theo như chi phí nhân công, chi phí hoa hồng, chi phí quảng bá,... Đây cũng chính là nguyên nhân làm cho doanh thu và lợi nhuận gộp của hai tuyến này bị suy giảm so với năm 2018.



Dù trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư vẫn phát sinh những hạn chế nằm ngoài khả năng dự đoán nhưng Ban Tổng Giám đốc vẫn nỗ lực triển khai theo đề án được Hội đồng quản trị thông qua; tình trạng cụ thể như sau:

- Đối với khu hậu cần cảng Hà Tiên: Căn cứ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị công ty ban hành ngày 04 tháng 09 năm 2019, Công ty đang xúc tiến làm việc với UBND TP. Hà Tiên để được hoàn trả đất, nhận lại tiền và các khoản chi phí bồi thường.
- Công trình cầu cảng và nhà chờ tại Trần Đề - Sóc Trăng: Công ty đã tiến hành các thủ tục công bố cảng theo quy định và đưa tàu vào neo đậu khai thác từ ngày 01/01/2019; song song đó, Công ty đã bổ sung dịch vụ thức ăn nhanh và bãi giữ xe vào phục vụ hành khách đi tàu và đang tiếp tục bổ sung các dịch vụ tiện ích khác để đưa vào hoạt động.
- Tiến độ đóng mới phà cao tốc Rạch Giá - Phú Quốc: Phà đã được đóng hoàn thiện và thử nghiệm nhưng do khó khăn về bến bãi hoạt động tại Rạch Giá nên Công ty buộc phải đàm phán với nhà máy chạm bàn giao nhằm không tăng thêm chi phí neo đậu tại nhà máy đóng tàu và tiết giảm các chi phí mang tàu về Việt Nam khi chưa có bến bãi để khai thác.



- Hoán cải tàu cao tốc Superdong VII & Superdong VIII: Cả 02 tàu đã hoàn tất việc hoán cải và đưa vào khai thác tuyến Hà Tiên - Rạch Giá - Phú Quốc với tốc độ và độ ổn tối ưu hơn, cụ thể tàu Superdong VII đã được đưa về Việt Nam hoạt động từ ngày 26/01/2019; tàu Superdong VIII đã được đưa về Việt Nam hoạt động từ ngày 21/04/2019.
- Hoán cải mũi tàu Superdong Con Dao I & Superdong Con Dao II: tận dụng thời điểm 02 tàu đến hạn lên đà kiểm tra định kỳ hàng năm, Công ty đã thực hiện hoán cải mũi tàu và thay ghế có thể điều chỉnh được độ nghiêng ở tầng trên nhằm giúp hành khách được thoải mái hơn, giảm sự rung và lắc khi tàu hoạt động trong điều kiện thời tiết xấu. Cả 02 tàu đã hoàn tất việc hoán cải và đưa vào khai thác trong tháng 12 năm 2019 với sự đón nhận và phản hồi tích cực về hiệu quả sau hoán cải từ hành khách và thuyền viên.
- Sửa chữa tàu Superdong III sau sự cố bị cháy khi neo đậu tại cảng thủy nội địa Rạch Giá: Công ty đã cho mang tàu sang nhà máy Kaibuok để thực hiện việc sửa chữa, hồi phục nguyên trạng tàu và đưa về Việt Nam khai thác trong tháng 11 năm 2019. Công ty bảo hiểm chi trả hơn 4,1 tỷ đồng để bồi thường cho sự cố cháy tàu Superdong III.
- Về đầu tư phương tiện chuyên chở mới và mở rộng thị trường khai thác: Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc đã được ký kết với đối tác tại Malaysia và đang được thực hiện theo đúng tiến độ; đồng thời, Công ty cũng đã hoàn tất việc khai trương tuyến mới Phú Quốc - Nam Du nhằm tạo thuận lợi cho khách hàng có thêm địa điểm tham quan và rút ngắn được thời gian di chuyển.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	Thực hiện 2019	% Tăng giảm
Tổng tài sản	891.433	929.727	4,30%
Doanh thu thuần	442.468	452.143	2,19%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	182.592	151.793	-16,87%
Lợi nhuận khác	955	1.316	37,77%
Lợi nhuận trước thuế	138.445	106.623	-22,99%
Lợi nhuận sau thuế	133.452	101.100	-24,24%

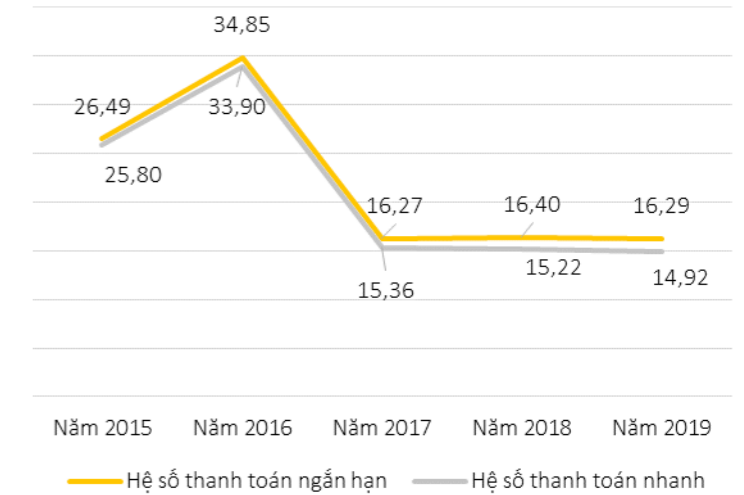
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	16,40	16,29
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	15,22	14,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	2,19%	1,92%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,24%	1,96%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,32	12,65
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,52	0,50
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	30,16%	22,36%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,92%	11,34%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	15,54%	11,10%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	31,07%	23,29%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

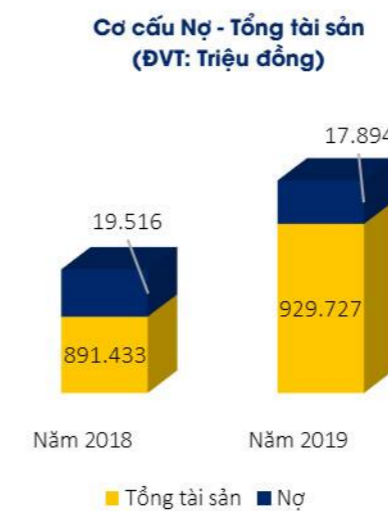
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Năm qua, các hệ số thanh toán của Công ty không thay đổi nhiều so với kỳ trước, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán đối với các khoản nợ đến hạn. Trong năm, tuy tài sản ngắn hạn giảm 9,27% tại mức 291,4 tỷ đồng nhưng nguyên nhân là do một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (13 tháng) tại ngân hàng của Công ty nắm giữ đến ngày đáo hạn giá trị khoảng 35 tỷ đã chuyển từ chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn sang chỉ tiêu đầu tư tài chính dài hạn. Bên cạnh đó, nợ ngắn hạn cũng đã giảm 9,26% còn 17,9 tỷ đồng do trong năm các khoản phải nộp Nhà nước giảm; đồng thời, việc sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi cho người lao động cũng góp phần vào thay đổi này. Hàng tồn kho năm 2019 đạt mức 24,5 tỷ đồng, tăng 6,76% chủ yếu do tăng chi phí cho khăn, nước, và các hàng hóa khác phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ trên toàn bộ các tuyến tàu của Công ty.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

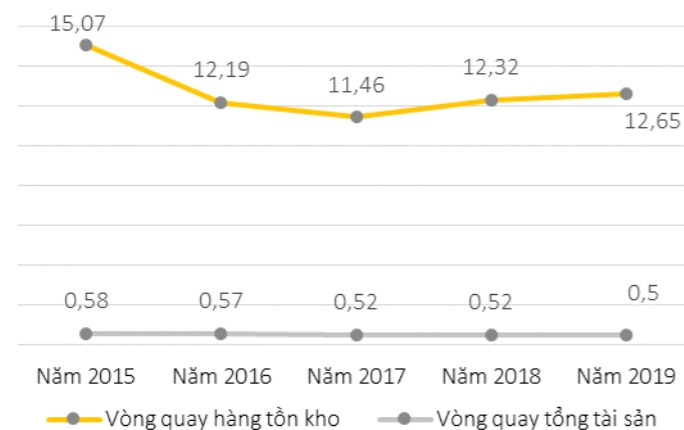
Cơ cấu vốn có tỷ lệ nợ phải trả cực nhỏ so với quy mô và tài sản, cũng như xu thế tiếp tục giảm dần nợ phải trả, trong khi nợ ngắn hạn ngày càng giảm thì các khoản vay dài hạn thậm chí còn không có, mà vốn chủ sở hữu, tài sản lại vẫn được gia tăng thể hiện sự cẩn trọng trong việc sử dụng đòn bẩy và tiềm lực tài chính mạnh mẽ của Công ty.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

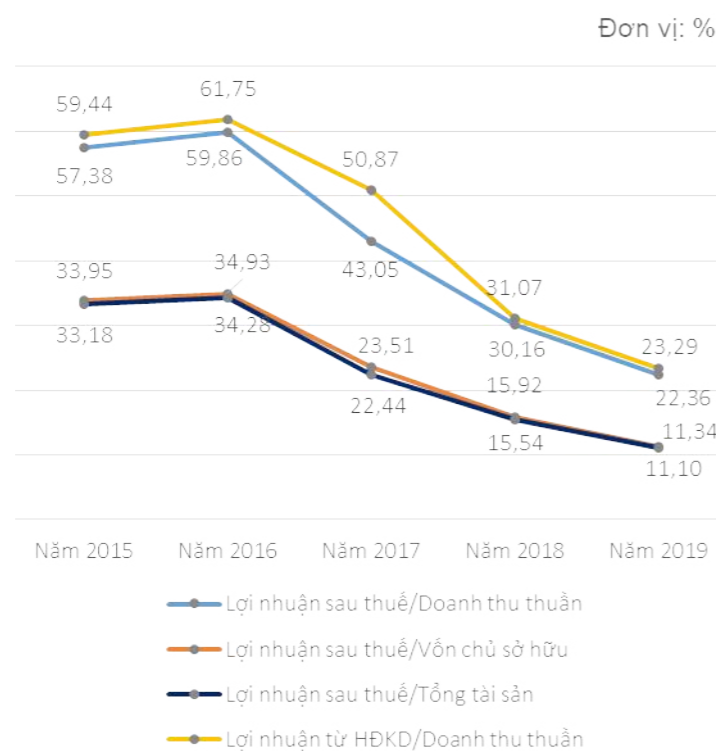
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho tăng nhẹ so với năm trước do giá vốn hàng bán có sự tăng mạnh 15,57% đạt mức 300,4 tỷ đồng, hàng tồn kho chủ yếu là phụ tùng, nguyên, nhiên vật liệu và hàng hóa phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ trên các tuyến tàu cũng đã tăng nhẹ. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng không có nhiều thay đổi cho thấy Công ty vẫn giữ vững được hiệu quả sử dụng tài sản, không có sự biến động quá lớn.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2019, các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty có sự sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm đi so với cùng kỳ, tương ứng 24,24% và 23,41% lần lượt đạt 101,1 tỷ đồng và 105,3 tỷ đồng; trong khi đó, doanh thu thuần và tổng tài sản lại có sự gia tăng từ sự đóng góp tích cực của các tuyến mới và lợi nhuận chưa phân phối tích lũy ngày càng nhiều.



CỔ PHIẾU CÔNG TY

Vốn điều lệ	:	633.317.350.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	63.331.735 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông	:	63.331.735 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	63.331.735 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	0 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	3.235	35.366.739	55,84%
Cổ đông tổ chức	35	4.969.664	7,84%
Cổ đông cá nhân	3.200	30.397.075	48,00%
Cổ đông nước ngoài	102	27.964.996	44,16%
Cổ đông tổ chức	29	4.059.695	6,41%
Cổ đông cá nhân	73	23.905.301	37,75%
Tổng cộng	3.337	63.331.735	100,00%

Danh sách cổ đông lớn tính đến ngày 01/07/2019

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Puan Kwong Siing	10.470.757	16,53%
2	Ting Chek Hua	7.577.904	11,97%

TÌNH HÌNH VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2019, Công ty đã phát hành thêm cổ phiếu, tỷ lệ 10% để trả cổ tức năm 2018, nâng mức vốn điều lệ của Công ty từ 575.749.560.000 đồng lên 633.317.350.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có.

CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	% TH 2019/TH2018	% TH/KH 2019
Doanh thu thuần	Triệu đồng	442.468	533.366	452.143	102,19%	84,77%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	137.490	154.201	105.307	76,59%	68,29%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	955	706	1.316	137,80%	186,40%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	138.445	154.907	106.623	77,01%	68,83%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	133.452	143.289	101.100	75,76%	70,56%
EPS	Đồng	2.107	2.262	1.596	75,75%	70,56%

Năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục diễn ra với nhiều khó khăn và thử thách. So với năm trước, Công ty đã khai thác thêm tuyến mới Phú Quốc - Nam Du vào tháng 12 năm 2019, nâng tổng số tuyến khai thác hiện nay lên thành 06 tuyến. Tuyến mới này được kỳ vọng sẽ là tuyến tàu tiếp chuyển đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân, khách du lịch trong nước và quốc tế, làm rút ngắn được khoảng 1/3 thời gian di chuyển so với hướng đi trước đây phải đến Rạch Giá sau đó hành khách mới có thể ra Nam Du. Số lượng tàu khai thác trong năm duy trì với 16 tàu và 02 phà để cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa theo tuyến cố định.

Kết quả hoạt động kinh doanh cho thấy, năm 2019 Công ty chỉ đạt 84,77% kế hoạch doanh thu với giá trị là 452,1 tỷ đồng. Mặc dù doanh thu thuần tăng nhẹ 2,19% so với năm trước nhưng giá vốn cung cấp dịch vụ trong năm cũng đã tăng đáng kể do gia tăng tiêu thụ dầu DO, tăng chi phí nhân công do cạnh tranh nhân sự làm biên lợi nhuận của Công ty giảm đi hơn 7%; trong đó, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 70,56% kế hoạch năm, giảm 24,24% so với năm trước đạt giá trị 101,1 tỷ đồng.



Một số khó khăn hiện nay Công ty phải đối diện như sau:

(1) Số lượng các nhân sự quản lý chuyên trách trên tàu còn hạn chế và tình trạng khan hiếm lao động đã ảnh hưởng nhiều đến công tác tổ chức triển khai cung cấp dịch vụ vận tải của Công ty. Trước tình hình đó, để có thể thu hút và giữ chân người lao động, Ban Lãnh đạo đã tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của nhân viên qua các buổi đối thoại để đưa ra các chính sách đãi ngộ phù hợp như điều chỉnh lương và các phúc lợi khác.

(3) Các yếu tố về bến bãi hoạt động, khu vực hậu cần vẫn còn nhiều hạn chế. Cảng Bãi Vòng (Phú Quốc) và Rạch Giá hiện đã quá tải bởi sự gia tăng quá nhanh về phương tiện và chưa được quan tâm đầu tư đúng mức làm cho phà cao tốc tuyến Rạch Giá - Phú Quốc chưa được khai thác đúng như kế hoạch và các tàu đang hoạt động cũng phải di dời thường xuyên và liên tục gây tiêu hao nhiên liệu cao hơn định mức. Kế hoạch khai thác đội tàu và các phương án tăng/giảm chuyển vận tải cũng gặp khó khăn hơn khi không còn khung giờ trống để thực hiện, các cơ quan quản lý chuyên môn cũng siết chặt hơn trước. Hiện nay, Bình Thuận, Sóc Trăng chưa có nhà máy bảo trì phù hợp nên Công ty phải đưa tàu về bảo dưỡng định kỳ hàng năm tại Tp. HCM và Cần Thơ làm phát sinh nhiều chi phí quản lý, chi phí nhân sự và các chi phí nhiên liệu.

(4) Thời tiết và thủy triều diễn biến bất thường: tháng 08 vừa qua, Phú Quốc có mưa lớn làm nhiều khu vực bị ngập sâu và chia cắt hoàn toàn trong nhiều ngày, khách hàng hủy vé nhiều không sử dụng dịch vụ làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, hiện tượng thủy triều dao động không đảm bảo an toàn cho tàu rời bến cũng ảnh hưởng đến mật độ và tần suất khai thác dịch vụ của Công ty tại tuyến Phan Thiết - Phú Quý.

(2) Những thay đổi của các chính sách và các quy định điều chỉnh hoạt động của Công ty có sự thay đổi làm cho kế hoạch khai thác các tuyến cũng phải điều chỉnh để đáp ứng các quy định mới. Công tác đăng kiểm ngày càng được quản lý gắt gao, nghiêm khắc hơn làm tăng chi phí bảo trì, bảo dưỡng cũng như chi phí mua sắm thiết bị.

Thuận lợi đối với Công ty:

Công ty vẫn giữ vững được vị thế dẫn đầu với các thế mạnh vốn có. Công ty có nguồn lực tài chính vững mạnh, không sử dụng vốn vay nên không chịu áp lực của lãi suất vay. Số lượng tàu nhiều, đa dạng đáp ứng được các nhu cầu khác nhau của khách hàng, có thể chủ động trong việc bố trí tàu hoạt động và thay thế ngay khi tàu có sự cố hư hỏng không thể tiếp tục hoạt động. Trong những năm gần đây, Công ty liên tục đưa vào khai thác các tuyến tàu mới Sóc Trăng - Côn Đảo, Phan Thiết - Phú Quý, Phú Quốc - Nam Du; qua đó, góp phần đa dạng cơ cấu doanh thu, tạo ra nhiều sự lựa chọn và khai thác tốt nhu cầu đi lại của hành khách.

Phương tiện của Công ty được tối ưu về tiêu hao nhiên liệu, đặc tính kỹ thuật phù hợp vùng biển khai thác nhằm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình vận hành khai thác; đồng thời, cơ cấu tổ chức, vận hành đơn giản, gọn nhẹ, các chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ làm giảm chi phí cho Công ty.

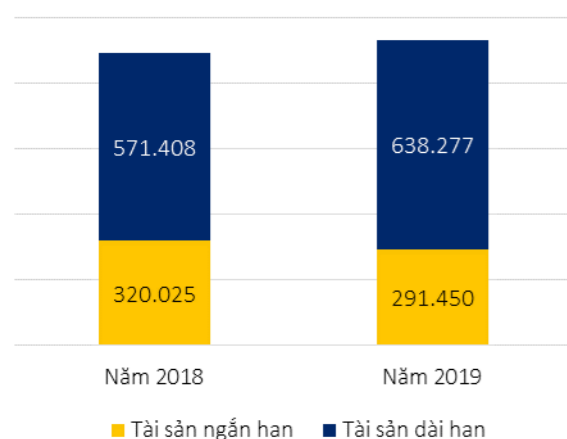
Nguồn nhân lực hiện có của Công ty chứa nhiều ưu điểm như độ tuổi trung bình trẻ, năng động, am hiểu vùng biển khai thác, dày dặn kinh nghiệm công tác, có chuyên môn cao, làm chủ công nghệ, không chỉ vận hành khai thác mà còn có thể sửa chữa, xử lý các sự cố phát sinh một cách chủ động và độc lập, có tâm huyết cùng công ty hợp tác lâu dài.



Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	%Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	320.025	291.450	-8,93%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	571.408	638.277	11,70%
Tổng tài sản	Triệu đồng	891.433	929.727	4,30%
Vòng quay tài sản	Vòng	0,52	0,5	-
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	14,97%	10,87%	-

Cơ cấu tài sản
ĐVT: Triệu đồng



Tổng tài sản năm 2019 tăng 4,30% so với năm trước đạt mức 929,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng trưởng này là do sự tăng mạnh của tài sản dài hạn 11,7% đạt 638,3 tỷ đồng, cụ thể là khoản mục tài sản cố định khi Công ty đã liên tục đầu tư thêm tàu và phà mới để phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh của mình. Trong khi đó, tuy tài sản ngắn hạn có sự sụt giảm so với năm trước 8,93% duy trì tại mức 291,5 tỷ đồng nhưng nguyên nhân là do khoản đầu tư tài chính là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được điều chuyển từ chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn sang chỉ tiêu đầu tư tài chính dài hạn số tiền khoảng 35 tỷ đồng.

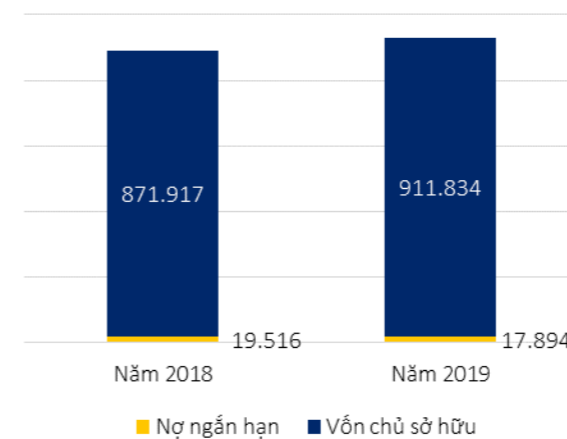
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2019 giảm nhẹ so với năm trước, vòng quay tài sản năm nay đạt mức 0,5 vòng; điều này có thể lý giải bởi sự tăng lên đáng kể của tổng tài sản trong năm qua với giá trị lớn, trong khi doanh thu thuần chỉ tăng trưởng nhẹ so với kỳ trước. Chỉ tiêu khả năng sinh lời từ tổng tài sản cũng có sự sụt giảm đáng kể từ 14,97% còn 10,87%, do kết quả kinh doanh chỉ đạt mức lợi nhuận sau thuế 101,1 tỷ đồng, số này đã giảm đến 24,24% so với năm trước, trong khi tổng tài sản lại tăng 4,30%.



Tình hình nguồn vốn

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	%Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	19.516	17.894	-8,31%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ	Triệu đồng	19.516	17.894	-8,31%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	871.917	911.834	4,58%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	891.433	929.727	4,30%

Cơ cấu nguồn vốn
ĐVT: Triệu đồng



Công ty tiếp tục không sử dụng nợ vay dài hạn nên tổng nợ chính là số liệu của nợ ngắn hạn, khoản này trong năm qua có sự sụt giảm so với năm trước đến 8,31% đạt mức 17,9 tỷ đồng do các khoản thuế cuối kỳ giảm và Công ty cũng đã sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi chi cho người lao động.

Ngược lại với diễn biến của nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm đã tăng 4,58% so với năm 2018, đạt mức 911,8 tỷ đồng do tiếp tục ghi nhận thêm lợi nhuận từ hoạt động của Công ty.



Năm 2020 được dự đoán sẽ có nhiều khó khăn, thử thách hơn so với năm vừa qua do những hệ quả tất yếu của tình hình dịch bệnh Covid-19 có khả năng kéo theo sự suy giảm cho nền kinh tế, cùng với đó thì quá trình cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành khác vẫn đang diễn ra hết sức khốc liệt. Trước bối cảnh đó, Công ty vẫn tiếp tục bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược trung - dài hạn của mình để đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.

Nhân sự:

- Tăng cường công tác đào tạo, hướng đến sự chuyên nghiệp trong phục vụ hành khách và an toàn phương tiện.
- Ban hành một số chính sách giữ chân, thu hút người lao động, đặc biệt đối với các lao động là thuyền viên có kinh nghiệm lâu năm và có trình độ chuyên môn giỏi trong ngành vốn luôn trong tình trạng khan hiếm.

Tài chính:

- Lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát dòng tiền.
- Quản lý và kiểm soát chi tiết các khoản phải chi, giảm thiểu việc sử dụng các chi phí chưa hợp lý.
- Tìm giải pháp giảm giá thành các chi phí đầu vào nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng bằng việc chọn đúng đối tác.
- Tối ưu quy trình quản lý hàng hóa đầu vào (vật dụng, trang thiết bị, linh kiện) và hàng tồn kho để tối ưu việc sử dụng dòng tiền và giảm chi phí quản lý không cần thiết.

Hoạt động khai thác tàu:

- Sắp xếp lịch hoạt động theo nhu cầu hành khách, cắt giảm một số chuyến có tỉ lệ lấp đầy thấp.
- Đàm phán với các đơn vị bến bãi bố trí vị trí neo đậu thích hợp, giảm sự di chuyển nơi neo đậu nhằm giảm chi phí nhiên liệu tiêu hao trong thời gian không khai thác.
- Phân bổ lại hoạt động của xe trung chuyển theo nguyên tắc đảm bảo khả năng cung ứng dịch vụ nhưng với chi phí tối ưu nhất.
- Nghiên cứu các giải pháp để chất lượng dịch vụ khách hàng được đồng đều ở các tuyến.

Công tác cộng đồng:

Xây dựng độ cảm mến và gắn bó thương hiệu thông qua trách nhiệm với cộng đồng, cụ thể là các chương trình hướng đến việc bảo vệ môi trường; đóng góp và hỗ trợ địa phương bị thiên tai hoặc người dân gặp khó khăn,...



Hoạt động marketing:

- Thiết lập mạng lưới liên kết đối tác, chuẩn hóa và triển khai đều đặn quy trình và hoạt động chăm sóc hệ thống đối tác, đại lý...
- Đẩy mạnh hiệu quả các hoạt động truyền thông từ kênh có sẵn như trang web và fanpage của Công ty cùng với tăng cường công tác liên kết báo chí và các kênh truyền thông trực tuyến, từ đó cung cấp thêm nhiều thông tin tích cực, đẩy mạnh hiệu quả hiển thị thương hiệu trên các kênh truyền thông hiện đại, giúp khách hàng có thể dễ dàng nhận dạng thương hiệu, chuẩn hóa hình tượng; đồng thời, đưa ra các giá trị thật để đạt được sự chuyên nghiệp và hiện đại trong định hình thương hiệu, gia tăng mức độ TIN và CẢM MẾN đối với thương hiệu Superdong trong khách hàng.
- Nghiên cứu bổ sung thêm một số dịch vụ nhằm tối ưu tiện ích cho khách hàng như: triển khai vận hành tổng đài chăm sóc khách hàng, mobile app...
- Xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng ổn định, đều đặn hơn, kết hợp với một số đối tác để cung cấp thêm nhiều quyền lợi cho hành khách, thực hiện các chương trình khuyến mãi thúc đẩy doanh số.

Công tác quản lý:

- Hoạch định chiến lược một cách khoa học, chi tiết.
- Tổ chức, phân công công việc cho mỗi nhân viên, mỗi bộ phận, phòng ban theo năng lực một cách hợp lý và hiệu quả nhất.
- Xây dựng các chính sách giúp kiểm soát năng suất làm việc của mỗi nhân viên, mỗi bộ phận, phòng ban.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý trực tuyến, giảm các chi phí quản lý không cần thiết.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của Công ty đã đi vào hoạt động ổn định, đạt hiệu quả tốt. Các chính sách quản lý cũng được duy trì với mục tiêu tiết giảm chi phí tối đa, từ đó góp phần hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2019, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này; vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến thêm.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lĩnh vực vận chuyển hành khách và hàng hóa đến các đảo du lịch theo tuyến cố định còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Công ty luôn tự hào là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong việc sử dụng phương tiện chuyên chở bằng tàu cao tốc. Trải qua hơn 17 năm thăng trầm để gây dựng và phát triển thương hiệu Superdong, Ban Lãnh đạo và toàn thể người lao động đều nỗ lực hết sức để đạt được các thành quả nhất định, không chỉ thể hiện qua các con số về doanh thu và lợi nhuận đơn thuần mà còn là các giá trị khác mang lại sức mạnh nội tại mạnh mẽ giúp Công ty vượt qua các thử thách để không ngừng vươn lên. Đó chính là đội ngũ nhân sự thạo nghề, đoàn kết, nhiệt tâm, tận tụy, trung thành; là đội tàu đa dạng cả về loại hình, kích cỡ phù hợp với địa bàn khai thác; là hệ thống phân phối trải rộng, gắn bó.

Năm 2019, Công ty vẫn giữ vững được vị thế dẫn đầu và là doanh nghiệp duy nhất khai thác cả tàu cao tốc và tàu phà, cũng như thực hiện hoạt động kinh doanh tại nhiều địa bàn khác nhau như Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Điều này giúp cho thương hiệu Superdong được biết đến rộng rãi và dễ dàng hơn trong việc thu hút khách hàng có nhu cầu; song cũng đưa tới nhiều thách thức về quản trị và điều hành. Năm qua, Công ty đã phải đối diện với tình trạng cạnh tranh gay gắt trên tất cả các tuyến, đặc biệt là các tuyến truyền thống như Rạch Giá - Phú Quốc, Hà Tiên - Phú Quốc và Rạch Giá - Nam Du. Tổng cầu của thị trường tiếp tục tăng trưởng rất tích cực nhưng vẫn có sự chênh lệch lớn do tổng cung tăng đột biến làm cho công suất khai thác bị suy giảm khi phải duy trì và tăng cường thêm chuyến nhằm giữ thị phần.

Thêm vào đó, điều kiện bến bãi còn hạn chế gây khó khăn trong việc tăng chuyến, di dời tàu đón trả khách; thậm chí, Công ty còn không thể đưa tàu phà cao tốc vào khai thác tuyến Rạch Giá - Phú Quốc gây ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh và việc thực thi chiến lược đa dạng dịch vụ để đáp ứng đầy đủ nhu cầu và thị hiếu của khách hàng. Chưa dừng lại ở đó, hệ quả tất yếu của cạnh tranh không chỉ gây tăng chi phí nhiên liệu mà còn làm tăng gần như toàn bộ các chi phí khác như nhân công, đào tạo, hoa hồng, quảng bá, cải tiến kỹ thuật, chất lượng tàu... Đứng trước các khó khăn này, dù các tuyến mới tăng trưởng, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng doanh thu 2,2% so với năm trước, lợi nhuận sau thuế đạt 101,1 tỷ đồng nhưng các kết quả kinh doanh vẫn chưa đạt được các chỉ tiêu đề ra cho năm 2019.

- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm qua, Hội đồng quản trị ghi nhận quyết tâm của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ điều hành khi theo dõi sát sao diễn biến của tình hình cạnh tranh để đôn đốc, nhắc nhở cùng đưa ra phương án kinh doanh phù hợp, kịp thời; đồng thời, chủ động nghiên cứu, khảo sát xu hướng thị trường để đề xuất các đề án đầu tư, kinh doanh cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các định hướng và chiến lược kinh doanh cho Công ty.

Kết quả kinh doanh của Công ty năm qua chưa đạt được như kế hoạch kỳ vọng, các khó khăn hệ thống vẫn còn tác động trực tiếp đến giá vốn cung cấp dịch vụ và gây nhiều hạn chế trong việc triển khai kế hoạch hoạt động của đội tàu. Mặt khác, các tuyến tàu mới chưa đạt được hiệu quả kinh doanh như mong muốn nhưng chi phí khấu hao các phương tiện đã bắt đầu tăng so với cùng kỳ, đây là bài toán khó cần Ban Tổng Giám đốc phải có đáp án trong thời gian tới. Hội đồng quản trị thực sự ghi nhận những giá trị mà các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã công hiến cho Công ty trong năm 2019 nhưng trong tương lai những yếu tố khó khăn thách thức sẽ càng nhiều hơn, Hội đồng quản trị muốn các thành viên điều hành có thể giữ vững được hiệu quả trong những hoạt động là thế mạnh của Công ty và nhanh chóng ứng phó với các thay đổi của thị trường; từ đó, gạt hái được hiệu quả từ chiến lược kinh doanh mà Công ty đang theo đuổi.



KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, bên cạnh các khó khăn hiện hữu thì diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 đã và đang tạo ra những tác động lớn gây nhiều hệ lụy cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành du lịch nói riêng. Các hoạt động cung cấp dịch vụ cho người dân, khách du lịch tại Phú Quốc và các địa điểm du lịch khác tại Việt Nam đang bị hạn chế, thậm chí dịch vụ vận chuyển trên các tuyến đang hoạt động cũng phải tạm ngưng một thời gian theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhằm đảm bảo sự an toàn cho xã hội trước tình hình dịch bệnh ngày càng leo thang như hiện nay; do đó, Công ty sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong thời gian dịch bệnh này khi nhu cầu di chuyển của hành khách giảm. Tuy nhiên, đây cũng sẽ là cơ hội hiếm có để đánh giá khách quan toàn bộ hoạt động, khả năng chống chịu và tình hình tài chính của các công ty cùng ngành khác.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	KH 2020/TH 2019
Vốn điều lệ (đồng)	633.317.350.000	633.317.350.000	100,00%
Doanh thu thuần (đồng)	452.143.044.739	364.425.813.203	80,60%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	101.100.416.328	52.121.811.420	51,55%
Cổ tức (%) (*)	10%	10%	-

(*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHQĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2019 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2020.

Hiện, Chính phủ đang chủ động triển khai các biện pháp chống dịch hiệu quả, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất để có thể duy trì và phục hồi lại sự vận hành trơn tru của nền kinh tế. Khó khăn trong ngắn hạn rồi cũng qua, Công ty luôn trong tâm thế chủ động ứng phó để vượt qua trở ngại và tiếp tục thực hiện các kế hoạch, mục tiêu đề ra cho thời gian tới. Qua thực tiễn hoạt động và nghiên cứu, khảo sát thị trường, nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, Hội đồng quản trị cho rằng, cần phải có bước đột phá mới mà các phương tiện chuyên chở hiện nay chưa đáp ứng được hết các yếu tố như tốc độ, tiện nghi, khả năng vận chuyển đa dạng từ hành khách, xe máy, ô tô và hàng hóa; đặc biệt phải phù hợp với điều kiện bến bãi còn rất hạn chế như hiện nay. Đó chính là lý do, Công ty lựa chọn mô hình phà cao tốc mới thay thế tàu cao tốc cho các tuyến chiến lược luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh việc thử nghiệm loại phương tiện mới, Công ty sẽ tiến hành hiện đại, tinh giản hệ thống phân phối dịch vụ thông qua việc đẩy mạnh hệ thống đặt vé trực tuyến qua website, mobile app, quản lý hiệu quả dòng tiền, tiết giảm chi phí; đồng thời vẫn tiếp tục các công tác đang triển khai như nâng cao chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh quảng bá và đầu tư đúng mục cho các dịch vụ phụ trợ như xe trung chuyển, hậu cần cảng và bến bãi.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MỤC TIÊU

Về hoạt động kinh doanh

- Đảm bảo hoạt động kinh doanh phát triển ổn định, không ngừng hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng dịch vụ, mang thương hiệu Superdong đến với nhiều khách hàng hơn nữa.
- Đảm bảo doanh thu, tạo thu nhập ổn định cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty.
- Đảm bảo lợi nhuận thu về, gia tăng quyền lợi cho cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch và kịp thời trong công tác công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành về công bố thông tin cho các công ty đại chúng.
- Góp phần tăng doanh thu cho du lịch địa phương, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế giúp tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho người dân ở địa phương nhằm đảm bảo công tác an sinh xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định và bền vững.

Về môi trường

- Không ngừng cải tiến về kỹ thuật, ưu tiên sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, góp phần tiết kiệm nhiên liệu và giảm bớt chất thải trong quá trình hoạt động.
- Triển khai các kế hoạch nhằm giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển.
- Sử dụng tiết kiệm năng lượng, hạn chế lãng phí tài nguyên thiên nhiên.

Về xã hội

- Tạo ra việc làm cho người lao động tại các địa bàn hoạt động: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Thuận,...
- Đảm bảo môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, góp phần bảo vệ sức khỏe và tinh thần người lao động
- Khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực, khả năng sáng tạo trong công việc. Thường xuyên đánh giá năng lực của nhân viên để phát hiện những cá nhân nổi trội, đào tạo, bồi dưỡng những cá nhân có tiềm năng, chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững mà Công ty đang theo đuổi.
- Tích cực tham gia các hoạt động vì sự phát triển chung của xã hội, tạo điều kiện và ủng hộ về mặt vật chất, tinh thần các chương trình có ý nghĩa xã hội lớn lao.



Về hoạt động kinh doanh

Năm qua, dù gặp phải rất nhiều khó khăn do cạnh tranh gây nên, Công ty vẫn cố gắng duy trì thị phần tại các tuyến truyền thống, đẩy mạnh hoạt động của hai tuyến mới Sóc Trăng - Côn Đảo, Phan Thiết - Phú Quý và tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh sang tuyến mới Phú Quốc - Nam Du nhằm giữ vững vị trí dẫn đầu, qua đó mang về thu nhập cho Công ty và cổ đông. Trong kỳ, Công ty cũng đã hoàn thành việc chi trả cổ tức năm 2018 trên cơ sở cân nhắc tới nhu cầu phát triển trong tương lai và bảo đảm quyền lợi cho cổ đông.

Đối tượng/Chỉ tiêu	Giá trị mang lại trong năm 2019
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 452,1 tỷ đồng, LNST: 101,1 tỷ đồng.
Cổ đông	Cổ tức năm 2018: 10% bằng tiền mặt & 10% bằng cổ phiếu.
Nhà nước	Thuế đóng góp trong năm 2019: 42,87 tỷ đồng.
Người lao động	Lương bình quân: 10.166.058 đồng/người/tháng

Về môi trường

Với hoạt động chuyên chở hành khách, hàng hoá bằng tàu cao tốc và phà, dầu DO là nguyên liệu đầu vào quan trọng trong việc vận hành các phương tiện này. Trong quá trình hoạt động, sẽ không tránh khỏi các tác động tới môi trường tự nhiên; vì vậy, Công ty luôn thực hiện nghiêm túc các biện pháp làm hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả

Đội tàu của Công ty được đóng theo công nghệ tiên tiến, ngày càng chất lượng hơn và đáp ứng các yêu cầu khắt khe về bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu. Ngoài ra, các tàu này đều có đặc tính kỹ thuật phù hợp với đặc thù của địa bàn hoạt động giúp cho hoạt động cung cấp dịch vụ được an toàn, ổn định, hiệu quả.

Sự đa dạng về kích cỡ tàu cộng với việc bám sát thị trường giúp Công ty có thể linh hoạt trong việc bố trí lịch trình tàu để tránh lãng phí nhiên liệu do phải chạy trống tải hoặc tỷ lệ lấp đầy thấp nhằm tiết kiệm chi phí và tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty.

Trong quá trình hoạt động, năng lượng điện và nước được sử dụng tiết kiệm, các dụng cụ, văn phòng phẩm, vật phẩm khác đều được sử dụng và tái sử dụng hợp lý.

Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu

Các vật phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại.

Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bờ bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được mang đi xử lý đúng quy định.

Chất thải nhiên liệu cũng được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.

Để được đưa vào hoạt động, các tàu của Công ty đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe về phát thải và không gây ô nhiễm môi trường dưới sự kiểm soát gắt gao của cơ quan đăng kiểm Việt Nam.

Về xã hội cộng đồng

Đối với người lao động

Đào tạo: Công ty luôn tạo điều kiện cho nhân viên đi học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức nhiều lớp học tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp cho nhân viên thuộc các địa bàn khác nhau.... Công ty đang dần dần hình thành văn hóa doanh nghiệp với sự văn minh, lịch sự, phục vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ vận tải hành khách, hàng hóa và phương tiện vận tải.

Tiền lương, thưởng: Theo xu thế phát triển của kinh tế, để đảm bảo cuộc sống cho nhân viên một cách tốt nhất, nâng cao sự cạnh tranh về nhân lực giữa các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty đã ban hành chính sách tăng lương định kỳ vào tháng 01 hàng năm dựa trên bảng đánh giá năng lực nhân viên từ các trưởng bộ phận. Ngoài ra, nhân viên còn được nâng lương bổ sung khi đi học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Đặc biệt, đối với những tuyến có yếu tố đặc thù về thời tiết và thời gian, nhân viên sẽ được hưởng phụ cấp thời tiết là 10% để động viên tinh thần và chia sẻ với những nhân viên phải làm việc trong điều kiện khắc nghiệt; đồng thời, có phụ cấp thêm cho nhân viên các tàu phà, phòng vé có giờ làm việc sớm hoặc kết thúc giờ làm việc trễ.

Đối với khách hàng

Yêu cầu về an toàn luôn được đặt lên hàng đầu trong quá trình hoạt động của Công ty. Theo đó, tàu sẽ dừng khi điều kiện thời tiết không đảm bảo; thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời; tất cả thuyền viên đều đáp ứng các yêu cầu chuyên môn về cứu hộ, cứu nạn theo quy định về an toàn hàng hải.

Với đội tàu gồm 16 chiếc tàu cao tốc và 02 phà phục vụ trên 06 tuyến, Công ty có khả năng cung cấp cho khách hàng đầy đủ các nhu cầu về vận chuyển người, xe và hàng hóa khi tới các đảo du lịch nổi tiếng như Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo, Phú Quý với tốc độ nhanh, dịch vụ tiện lợi và chi phí hợp lý.

Sự hài lòng của khách hàng là phương châm, mục tiêu hành động của Công ty; do đó, Công ty luôn nỗ lực hoàn thiện, cải tiến và đổi mới để ngày càng phục vụ khách hàng tốt hơn.

Đối với cộng đồng

Đặt mục tiêu cung cấp dịch vụ vận chuyển để phục vụ cộng đồng, đồng thời triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu thân thiện, tin cậy đối với các đối tác và công chúng; Công ty sẽ hướng đến các chương trình về bảo vệ môi trường, đóng góp và hỗ trợ địa phương bị thiên tai cùng các hoàn cảnh gặp khó khăn,...



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Trong năm 2019, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện vai trò giám sát, kết hợp phòng ngừa rủi ro trên tất cả các hoạt động thuộc phạm vi giám sát.

Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện soát xét và cho ý kiến đối với các Báo cáo tài chính Quý, Bán niên và Năm; đồng thời, giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập như đánh giá đề xuất kế hoạch thực hiện công việc kiểm toán sao cho phù hợp với phạm vi, đối tượng, phương pháp, thời gian mà vẫn đảm bảo được chất lượng, tính độc lập của công ty kiểm toán; thực hiện trao đổi và xem xét ý kiến của kiểm toán độc lập nhằm nâng cao năng lực giám sát của tiểu ban, đưa ra các kiến nghị phù hợp cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Trong năm, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện giám sát hoạt động chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt và phân phối cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông và các công việc có liên quan như đăng ký lưu ký và đăng ký niêm yết bổ sung; bên cạnh đó cũng giám sát tình hình triển khai các dự án đầu tư, kinh doanh do Ban Tổng Giám đốc thực hiện.

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	13	100%
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó Chủ tịch	13	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	13	100%
4	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	13	100%
5	Bà La Xuân Đào	Thành viên	13	100%
6	Ông Tăng Siêu Tâm	Thành viên	13	100%
7	Ông Phan Hồng Phúc	Thành viên	13	100%

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2019/NQ-HĐQT	13/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2019; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định Thời gian, Địa điểm tổ chức và Chương trình họp của ĐHCĐ thường niên năm 2019.
2	Biên bản họp HĐQT ngày 21/03/2019	21/03/2019	<ul style="list-style-type: none"> Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình kinh doanh và thực hiện dự án Quý I năm 2019
3	02/2019/NQ-HĐQT	04/04/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua Báo cáo thường niên 2018; Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
4	03A/2019/NQ-HĐQT	15/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019; Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2018; Thông qua việc từ nhiệm Phó Tổng Giám đốc của Ông Chua Peng Teck.
5	03B/2019/NQ-HĐQT	15/05/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua thù lao của HĐQT và lương của người điều hành Công ty năm 2019.
6	04/2019/NQ-HĐQT	07/06/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu năm 2018; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc thực hiện các thủ tục, hồ sơ nhằm đảm bảo việc thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu năm 2018 của cổ đông hiện hữu đúng quy định pháp luật.
7	05/2019/NQ-HĐQT	19/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc điều chỉnh tiến độ hoàn thành toàn bộ dự án đầu tư bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng từ năm 2022 sang năm 2025. Giao cho Ban Tổng Giám đốc chủ động có kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể để hoàn thành toàn bộ dự án đầu tư bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng theo đúng thời hạn mới được điều chỉnh.
8	06/2019/NQ-HĐQT	26/07/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với 5.756.779 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018;

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi khoản 1 Điều 6 Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ công ty phù hợp với mức vốn sau khi phát hành 5.756.779 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018; Đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức vốn điều lệ mới của Công ty;
9	07/2019/NQ-HĐQT	04/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua phương án giải quyết vướng mắc việc trúng thầu giá quyền sử dụng đất tại thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên do Ban Tổng Giám đốc đề xuất: UBND Thành phố Hà Tiên hủy kết quả trúng đấu giá, hoàn tiền trúng đấu giá cùng các chi phí khác theo quy định và thỏa thuận.
10	Biên bản họp HĐQT ngày 28/09/2018	28/09/2019	<ul style="list-style-type: none"> Ban Tổng Giám đốc báo cáo tình hình kinh doanh và thực hiện dự án Quý II năm 2019
11	08/2019/NQ-HĐQT	11/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc đầu tư dự án tàu cao tốc tuyến Phú Quốc - Nam Du.
12	09/2019/NQ-HĐQT	12/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc.
13	10/2019/NQ-HĐQT	28/11/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc triển khai giai đoạn 01 của dự án đóng phà cao tốc thay thế cho tàu cao tốc; Thông qua việc chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị thực hiện đóng phà cao tốc thay thế cho tàu cao tốc giai đoạn 01.
14	11/2019/NQ-HĐQT	17/12/2019	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế cho tàu cao tốc.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phan Hồng Phúc và Bà La Xuân Đào - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Bà đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay, các thành viên HĐQT của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, vì các thành viên Hội đồng quản trị hiện nay đang sinh sống tại nhiều địa điểm khác nhau; đồng thời, số lượng lớp học về quản trị công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức còn khá hạn chế nên các thành viên chưa thể tham gia các lớp học để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty từ mô hình có Ban Kiểm soát (Theo Điểm a Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014) sang mô hình không có Ban Kiểm soát (Theo Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014).



THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao (*)	Tổng Lương	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
I Hội đồng quản trị						
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	221.760.000	259.068.000	34.542.400	515.370.400
2	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó CT HĐQT	158.400.000	287.150.000	98.109.583	543.659.583
3	Ông Puan Kwong Siing	TV HĐQT	95.040.000	1.097.815.385	186.480.000	1.379.335.385
4	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
5	Ông Tăng Siêu Tâm	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
6	Bà La Xuân Đào	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
7	Ông Phan Hồng Phúc	TV HĐQT	95.040.000	-	-	95.040.000
Tổng			696.960.000	1.644.033.385	319.131.983	2.818.525.368
II Ban Kiểm toán nội bộ						
1	Ông Phan Hồng Phúc	Trưởng Ban	158.400.000	-	-	158.400.000
Tổng			158.400.000	-	-	158.400.000
III Ban Tổng Giám đốc						
1	Ông Puan Kwong Siing	Tổng GD	NT	NT	NT	NT
2	Ông Chua Peng Teck	Phó Tổng GD	-	103.600.000	-	103.600.000
3	Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng GD	-	997.440.000	149.616.000	1.147.056.000
Tổng			-	2.198.855.385	336.096.000	2.534.951.385
IV Kế toán trưởng						
1	Bà Bùi Thị Hồng Đào	Kế toán trưởng	-	597.138.000	165.300.000	762.438.000
Tổng			-	597.138.000	165.300.000	762.438.000

(*) Được tính từ ngày 01/05/2019 đến ngày 30/04/2020.

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Họ và tên (cá nhân/ tổ chức)	Chức vụ/ mối quan hệ với công ty	Giá trị HĐ	Mục đích hợp đồng	Thông qua HĐ/ GD	Tình trạng HĐ/GD
1	Công ty KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	2,8 triệu USD	Hợp đồng đóng phà cao tốc thay thế tàu cao tốc	Hội đồng quản trị	Đang thực hiện
2	Công ty KAIBUOK SHIPYARD (M) SDN. BHD.	Người liên quan của TGD và TV HĐQT Puan Kwong Siing	2,650 triệu USD	Hợp đồng đóng phà cao tốc tuyến Rạch Giá - Phú Quốc	Hội đồng quản trị	Đang thực hiện
3	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	10.000.000 VND/tháng	Thuê văn phòng Hà Tiên	Hội đồng quản trị	Đang thực hiện

VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty luôn tuân thủ, thực hiện đúng các quy định của pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Thành viên HĐQT và người có liên quan						
1. Hà Nguyệt Nhi	CT HĐQT	1.293.061	2,25%	1.422.366	2,25%	Nhận cổ tức năm 2018 và bán cổ phiếu
Vương Lục Muội	Mẹ	324	-	356	-	Nhận cổ tức năm 2018
Hà Vi Bân	Anh trai	31.399	0,06%	34.538	0,06%	Nhận cổ tức năm 2018
2. Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Phó CT HĐQT	13.495	0,02%	14.844	0,02%	Nhận cổ tức năm 2018
Âu Chí Toàn	Chồng	5.894	0,01%	6.483	0,01%	Nhận cổ tức năm 2018
3. Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	581.826	1,01%	640.008	1,01%	Nhận cổ tức năm 2018
CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ - CT HĐQT kiêm TGD	1.877.656	3,26%	-	-	Nhận cổ tức năm 2018 và bán cổ phiếu
4. Puan Kwong Siing	TV HĐQT	9.518.870	16,53%	10.470.757	16,53%	Nhận cổ tức năm 2018
Puan Chiong	Anh trai	2.795.523	4,86%	3.075.075	4,86%	Nhận cổ tức năm 2018
Puan Kiong Sii	Anh trai	1.200.039	2,08%	1.320.042	2,08%	Nhận cổ tức năm 2018
Kaibouk Shipyards (M) SDN.BHD	Tổ chức CLQ	1.498.320	2,60%	1.948.792	3,08%	Nhận cổ tức năm 2018
5. Tăng Siêu Tâm	TV HĐQT	-	-	-	-	
Quách Hồng	Mẹ	1.185.227	2,06%	-	-	Bán cổ phiếu
Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan						
1. Puan Kwong Siing	TV HĐQT kiêm TGD đã khai tại mục Thành viên HĐQT và người có liên quan					
2. Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó TGD	30.092	0,05%	33.101	0,05%	Nhận cổ tức năm 2018
Nguyễn Văn Bớt	Cha	324	-	356	-	Nhận cổ tức năm 2018
Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Mẹ	324	-	356	-	Nhận cổ tức năm 2018
Võ Quang Lộc	Chồng	324	-	356	-	Nhận cổ tức năm 2018
Nguyễn Thanh Phong	Em trai	324	-	356	-	Nhận cổ tức năm 2018

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2019



Số: 260320.027/BCTC.FIS1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được lập ngày 26 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 29 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

(Đã ký)

Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

(Đã ký)

Đình Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1

Hà Nội, Ngày 26 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2019	
			31/12/2019 VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		291,449,825,480	320,025,110,735
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	6,905,040,805	11,069,237,549
111	1. Tiền		6,905,040,805	10,069,237,549
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1,000,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		158,657,422,261	161,300,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	158,657,422,261	161,300,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		89,057,274,018	111,715,296,932
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	374,299,300	676,676,000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	53,452,788,637	105,859,707,746
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	35,230,186,081	5,178,913,186
140	IV. Hàng tồn kho		24,518,732,422	22,965,164,006
141	1. Hàng tồn kho	8	24,518,732,422	22,965,164,006
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12,311,355,974	12,975,412,248
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	4,770,107,137	4,195,149,774
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1,852,376,606	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	5,688,872,231	8,780,262,474
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		638,277,338,831	571,407,840,544
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		6,771,500,000	8,697,500,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	6,771,500,000	8,697,500,000
220	II. Tài sản cố định		579,217,346,026	499,048,657,185
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	571,000,319,696	490,337,624,493
222	- Nguyên giá		795,321,970,565	664,281,525,026
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(224,321,650,869)	(173,943,900,533)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	8,217,026,330	8,711,032,692
228	- Nguyên giá		9,661,532,581	9,609,452,581
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,444,506,251)	(898,419,889)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		878,100,000	55,667,839,251
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	878,100,000	55,667,839,251
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		35,000,000,000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	35,000,000,000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16,410,392,805	7,993,844,108
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	16,410,392,805	7,993,844,108
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		929,727,164,311	891,432,951,279

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2019	
			31/12/2019 VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		17,893,619,064	19,516,429,788
310	I. Nợ ngắn hạn		17,893,619,064	19,516,429,788
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	5,077,741,287	4,518,615,125
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2,365,385,000	2,585,800,375
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	691,900,487	1,580,537,445
314	4. Phải trả người lao động		9,044,579,608	8,917,950,251
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	14	714,012,682	957,524,020
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	956,002,572
400	D. NGUỒN VỐN		911,833,545,247	871,916,521,491
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	911,833,545,247	871,916,521,491
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		633,317,350,000	575,749,560,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		633,317,350,000	575,749,560,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11,469,923,636	11,469,923,636
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6,825,309,715	9,325,309,715
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2,000,000,000	3,108,436,572
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		258,220,961,896	272,263,291,568
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		157,120,545,568	138,811,108,985
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		101,100,416,328	133,452,182,583
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		929,727,164,311	891,432,951,279

(Đã ký) (Đã ký) (Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng Bùi Thị Hồng Đào Lâm Thị Ngọc Thương
Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	
			Năm 2019 VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	452.143.044.739	442.467.788.040
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		452.143.044.739	442.467.788.040
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	300.350.159.653	259.876.165.593
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		151.792.885.086	182.591.622.447
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	11.580.344.896	16.497.962.326
22	7. Chi phí tài chính	21	90.147.694	173.379.396
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	22	42.375.378.958	44.838.778.166
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	15.600.904.925	16.587.807.899
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		105.306.798.405	137.489.619.312
31	11. Thu nhập khác	24	7.619.093.786	1.032.706.793
32	12. Chi phí khác	25	6.303.322.211	77.655.981
40	13. Lợi nhuận khác		1.315.771.575	955.050.812
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		106.622.569.980	138.444.670.124
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	5.522.153.652	4.992.487.541
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		101.100.416.328	133.452.182.583
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.596	2.107

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2018	
			Năm 2019 VND	Năm 2018 VND		
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
01	1. Lợi nhuận trước thuế		106.622.569.980	138.444.670.124		
2. Điều chỉnh cho các khoản:						
02	Khấu hao tài sản cố định		51.016.431.017	42.567.865.657		
04	Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		53.692	89.411		
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(11.539.859.663)	(16.397.147.054)		
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		146.099.195.026	164.615.478.138		
09	Giảm các khoản phải thu		7.960.366.818	4.591.823.925		
10	(Tăng) hàng tồn kho		(1.553.568.416)	(3.750.100.455)		
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		(3.760.382.545)	514.904.316		
12	Giảm chi phí trả trước		(9.084.100.379)	(1.640.124.608)		
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.430.763.409)	(10.035.555.989)		
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.564.439.144)	-		
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		132.666.307.951	154.296.425.327		
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(56.693.351.198)	(145.513.381.271)		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(238.157.422.261)	(88.500.000.000)		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		205.800.000.000	137.400.000.000		
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.793.094.306	12.480.417.328		
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(79.257.679.153)	(84.132.963.943)		
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(57.572.771.850)	(71.966.424.500)		
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.164.143.052)	(1.802.963.116)		
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		11.069.237.549	12.872.290.075		
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		(53.692)	(89.410)		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		6.905.040.805	11.069.237.549		

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hồng
Phó Tổng Giám đốc

Bùi Thị Hồng Đào
Kế toán trưởng

Lâm Thị Ngọc Thương
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2019

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 170056108 ngày 14/11/2007 và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 10 Đường 30/4 khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 633.317.350.000 VND, tương đương 63.331.735 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND, và cổ phần của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là SKG.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

Đặc điểm hoạt động trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã đầu tư thêm tàu Superdong Phú Quý II với giá trị hơn 50 tỷ VND, nâng cấp tàu Superdong 7, 8 với giá trị hơn 30 tỷ VND. Bên cạnh đó, bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng đã hoàn thành đi vào hoạt động từ tháng 4 năm 2019 (Thuyết minh 9). Các khoản đầu tư trên nhằm giúp Công ty tăng cường năng lực cạnh tranh của Công ty.

Cấu trúc Công ty

Tại 31/12/2019, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động trong cùng lĩnh vực nêu trên với Công ty như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104, tờ bản đồ số 47, ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
Chi nhánh Phú Quý	Số 11 Ngô Quyền, Thôn Triều Dương, Xã Tam Thanh, Huyện Phú Quý, Tỉnh Bình Thuận.
Chi nhánh Côn Đảo	Đường Trần Phú, Khu 6, Thị trấn Côn Đảo, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- ▶ Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- ▶ Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- ▶ Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của công ty là các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn, gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp nhập trước, xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
▶ Phần mềm quản lý vé và phần mềm kế toán	03 - 05 năm
▶ Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
▶ TSCĐ khác	02 - 05 năm

2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Ban Tổng Giám đốc và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Ban Tổng Giám đốc Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành như thuế suất không ưu đãi 20% cho năm 2019.

Ưu đãi thuế

Mô tả	Dự án	Thuế suất
Dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng trong giai đoạn 2006 – 2013	Tàu Superdong I, II, III, IV, V, VI	Thuế suất 10% trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án, và miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2008).
Dự án đầu tư mở rộng từ năm 2014 trở đi	Tàu Superdong VII, VIII, IX, X, XI, XII, Phà PI, PII	Miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên phát sinh thu nhập chịu thuế.
Các dự án đầu tư mới	Bus Bãi vòng Đông Dương, Tàu Côn đảo I, II, Bus Trần Trần Đề - Sóc Trăng, Bến tàu Trần Đề, Tàu Phú Quý I, II	Thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế TNDN 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo

2.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 Thông tin bộ phận

Toàn bộ doanh thu của Công ty đến từ hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa ven biển trên địa bàn các tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Bình Thuận. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	268.926.000	1.652.911.000
Tiền gửi ngân hàng	6.496.553.285	8.415.871.980
Tiền đang chuyển	139.561.520	454.569
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
	6.905.040.805	11.069.237.549

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 6,3% đến 7,3%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Saigontourist - Chi nhánh Cần Thơ	14.876.000	75.854.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Du lịch Ngô Phương Đông	125.500.000	-
Đại lý, khách lẻ khác	233.923.300	600.822.000
	374.299.300	676.676.000

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd (i)	45.118.413.549	67.754.099.811
Công ty TNHH Thiết kế kiến trúc và Xây dựng Không Gian Xanh	-	14.698.400.000
Phòng Tài Chính - Kế Hoạch Thành phố Hà Tiên (Thuyết minh 7.ii)	-	21.350.000.000
Khác	8.334.375.088	2.057.207.935
	53.452.788.637	105.859.707.746
Trong đó, trả trước bên liên quan (Thuyết minh 31)	45.118.413.549	67.754.099.811

(i) Số dư tại 31/12/2019 là khoản ứng trước theo hợp đồng số KS/SUPERDONG/FASTRR/02/18 để thực hiện hợp đồng thiết kế, lắp đặt, hoàn thiện và chuyển giao một phà cao tốc chở khách bằng hợp kim nhôm.

7. Phải thu khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi	5.663.495.083	3.916.729.726
Phải thu chi phí sửa chữa tàu (i)	5.605.007.091	-
Tạm ứng	1.621.521.825	683.293.897
Phòng Tài Chính - Kế Hoạch T.P Hà Tiên (ii)	22.239.478.082	-
Phải thu khác	100.684.000	578.889.563
	35.230.186.081	5.178.913.186
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.490.000.000	1.490.000.000
- Tiền thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng	1.350.000.000	1.350.000.000
Ứng trước vốn xây dựng cầu cảng cho Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên (iii)	5.281.500.000	7.207.500.000
	6.771.500.000	8.697.500.000

(i) Phải thu về tiền chi phí sửa chữa tàu bao gồm:

- Phải thu Công ty Bảo Hiểm PJICO Kiên Giang – đơn vị bảo hiểm tàu Superdong III - về chi phí sửa chữa tàu Superdong III cháy khi đang neo đỗ tại bến cảng Rạch Giá ngày 31/07/2019 với số tiền 4.128.255.000 VND theo Thông báo số 132/PJICO-KGI-TB ngày 25/03/2020 của Công ty Bảo Hiểm PJICO Kiên Giang; và
- Phải thu Công ty Bảo Việt TP. Hồ Chí Minh – đơn vị bảo hiểm tàu Phú Quý 1 - về chi phí sửa chữa tàu Phú Quý 1 do cần cầu sập ngày 10/06/2019 với số tiền 849.073.434 VND theo Công văn số 67/BVHCM-GĐBTHH ngày 25/03/2020 của Tổng Công ty Bảo Việt; và
- Phải thu chi phí sửa chữa tàu Phú Quý 1 không được bảo hiểm số tiền 627.678.657 VND từ bên liên quan gây ra sự cố.

(ii) Kết quả đấu giá quyền sử dụng, bàn giao thửa số 18, khu phố 1, phường Tô Châu thành phố Hà Tiên phát sinh trong tháng 12/2017 đã bị hủy theo Văn bản số 215/UBND-TCKH của UBND Thành phố Hà Tiên ngày 08/07/2019 và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐQT ngày 04/09/2019 của Hội đồng quản trị Công ty. Công ty và UBND Thành phố Hà Tiên đã thống nhất hủy kết quả trúng đấu giá, hoàn tiền trúng thầu cùng các chi phí khác theo quy định và thỏa thuận cho Công ty.

Theo đó, chỉ tiêu “Trả trước cho người bán ngắn hạn” ngày 01/01/2019 (Thuyết minh 6) số tiền 21.500.000.000 VND được phân loại trình bày ở chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác”. Ngoài ra, Công ty ước tính ghi nhận trước một khoản tiền đền bù với số tiền 889.478.082 VND (Thuyết minh 24).

(iii) Ứng vốn không lãi suất cho Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên theo hợp đồng HD18 ngày 09/09/2015 để đầu tư xây dựng mới cầu cảng bến tàu khách. Số tiền gốc thu hồi hàng năm theo hợp đồng là 1.926.000.000 VND.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phụ tùng	20.601.582.611	20.116.332.752
Dầu DO	1.559.490.575	1.570.883.656
Nhiên liệu	349.428.128	402.780.299
Khăn, nước, vật liệu khác	1.857.614.865	875.167.299
Hàng hóa khác	150.616.243	-
	24.518.732.422	22.965.164.006

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (*)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	4.141.837.100	714.104.771	658.277.788.772	897.227.345	250.567.038	664.281.525.026
Mua mới	-	37.136.364	51.890.727.921	31.818.182	-	51.959.682.467
Đầu tư XDCB hoàn thành	47.475.727.821	-	-	-	-	47.475.727.821
Nâng cấp	-	-	31.605.035.251	-	-	31.605.035.251
Tại ngày 31/12/2019	51.617.564.921	751.241.135	741.773.551.944	929.045.527	250.567.038	795.321.970.565
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2019	840.851.889	142.976.433	172.274.447.830	542.111.876	143.512.505	173.943.900.533
Khấu hao trong năm	811.536.402	208.861.514	49.129.901.372	200.687.400	26.763.648	50.377.750.336
Tại ngày 31/12/2019	1.652.388.291	351.837.947	221.404.349.202	742.799.276	170.276.153	224.321.650.869
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	3.300.985.211	571.128.338	486.003.340.942	355.115.469	107.054.533	490.337.624.493
Tại ngày 31/12/2019	49.965.176.630	399.403.188	520.369.202.742	186.246.251	80.290.885	571.000.319.696

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.352.602.318 VND.

(*) Công ty mua mới tàu Phú Quý 2 và nâng cấp hoán cải tàu Superdong 7, 8.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2019	7.126.349.000	1.619.194.490	863.909.091	9.609.452.581
Mua trong năm	-	52.080.000	-	52.080.000
Tại ngày 31/12/2019	7.126.349.000	1.671.274.490	863.909.091	9.661.532.581
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2019	-	743.094.138	155.325.751	898.419.889
Khấu hao trong năm	-	494.553.034	51.533.328	546.086.362
Tại ngày 31/12/2019	-	1.237.647.172	206.859.079	1.444.506.251
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2019	7.126.349.000	876.100.352	708.583.340	8.711.032.692
Tại ngày 31/12/2019	7.126.349.000	433.627.318	657.050.012	8.217.026.330

(*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn các diện tích đất làm văn phòng của Công ty tại: (i) 1F, Nguyễn Huỳnh Đức, Thành phố Rạch Giá, (ii) 14 Tự Do, Thành phố Rạch Giá và (iii) số L4, Lô 01, Đường 3/2, Thành phố Rạch Giá.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 816.995.390 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	878.100.000	499.000.000
Dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng (*)	-	28.512.145.291
Chi phí nâng cấp hoán cải tàu Superdong 7 và 8 (Thuyết minh 9*)	-	26.656.693.960
	878.100.000	55.667.839.251

(*) Thông tin chi tiết dự án Bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng:

- ▶ Địa điểm thực hiện: Ấp Đầu Giồng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng.
- ▶ Thời gian khởi công: Tháng 1 năm 2017.
- ▶ Quy mô dự án: Đầu tư bến cảng trên phần diện tích 4 hecta, bao gồm các hạng mục: cầu cảng, kho, trụ sở, cơ sở dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ cho nhân viên, kinh doanh ăn uống, hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các công trình phụ trợ khác;
- ▶ Tổng mức đầu tư theo kế hoạch: 90 tỷ VND;
- ▶ Tiến độ của công trình tại thời điểm 31/12/2019: Đã hoàn thành giai đoạn II (trên 4 giai đoạn) và thực hiện ghi nhận nguyên giá bến cảng Trần Đề (không bao gồm các hạng mục phụ trợ khác như bãi xe, quầy cafe) là: 46.418.569.821 VND.
- ▶ Thời gian dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án: Năm 2025.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (đã điều chỉnh)		Trong kỳ		31/12/2019	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.401.671.952	17.907.936.134	16.967.960.758	-	461.696.576
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	9.606.733.109	9.606.733.109	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	8.440.209.014	8.440.209.014	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.780.262.474	-	2.430.763.409	5.522.153.652	5.688.872.231	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	178.865.493	4.145.503.433	4.074.703.861	-	108.065.921
Các loại thuế khác	-	-	336.471.724	458.609.714	-	122.137.990
	8.780.262.474	1.580.537.445	42.867.616.823	45.070.370.108	5.688.872.231	691.900.487

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Chi phí trả trước

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	1,031,689,729	1,132,736,756
Chi phí bảo dưỡng	1,486,095,847	1,159,497,351
Khác	2,252,321,561	1,902,915,667
	4,770,107,137	4,195,149,774
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	2,254,350,712	2,692,048,873
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu	9,680,998,523	516,682,636
Tiền thuê đất tại Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 17)	4,359,649,239	4,452,243,558
Khác	115,394,331	332,869,041
	16,410,392,805	7,993,844,108

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH TK Kiến Trúc và XD Không Gian Xanh	2.141.200.000	2.141.200.000	-	-
DNTN Xăng dầu Phi Hải	763.700.000	763.700.000	1.892.400.000	1.892.400.000
Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh	401.256.000	401.256.000	453.952.000	453.952.000
Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang	1.080.360.000	1.080.360.000	507.500.000	507.500.000
Các nhà cung cấp khác	691.225.287	691.225.287	1.664.763.125	1.664.763.125
	5.077.741.287	5.077.741.287	4.518.615.125	4.518.615.125

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	100.811.875	520.359
Thù lao Hội đồng quản trị	84.450.000	84.450.000
Cổ tức phải trả	8.720.400	6.536.250
Khác	520.030.407	866.017.411
	714.012.682	957.524.020

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Điều chỉnh) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2018	479,794,370,000	11,469,923,636	9,325,309,715	3,108,436,572	306,735,454,485	810,433,494,408
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	133,452,182,583	133,452,182,583
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	95,955,190,000	-	-	-	(95,955,190,000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(71,969,155,500)	(71,969,155,500)
Tại ngày 01/01/2019	575,749,560,000	11,469,923,636	9,325,309,715	3,108,436,572	272,263,291,568	871,916,521,491
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	101,100,416,328	101,100,416,328
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	57,567,790,000	-	-	-	(57,567,790,000)	-
Trả cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	(57,574,956,000)	(57,574,956,000)
Chi quỹ (ii)	-	-	(2,500,000,000)	(1,108,436,572)	-	(3,608,436,572)
Tại ngày 31/12/2019	633,317,350,000	11,469,923,636	6,825,309,715	2,000,000,000	258,220,961,896	911,833,545,247

(i) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên số 01/2019/NQ-DHĐCĐ ngày 26/4/2019, chi tiết như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	50%	57.567.790.000
Chia cổ tức bằng tiền (mỗi cổ phần nhận 1.000 VND)	50%	57.574.956.000
	100%	115.142.746.000

(ii) Chi quỹ theo Quyết định số 01/QĐĐT/2019 ngày 15/01/2019.

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	575,749,560,000	479,794,370,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	57,567,790,000	95,955,190,000
- Vốn góp cuối kỳ	633,317,350,000	575,749,560,000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	6,536,250	3,805,250
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	115,142,746,000	167,924,345,500
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	115,142,746,000	167,924,345,500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(57,572,771,850)	(71,966,424,500)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(57,572,771,850)	(71,966,424,500)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(57,567,790,000)	(95,955,190,000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(57,567,790,000)	(95,955,190,000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	8,720,400	6,536,250

c) Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.331.735	57.574.956
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	63.331.735	57.574.956
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	57.574.956
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	63.331.735	57.574.956
- Cổ phiếu phổ thông	63.331.735	57.574.956

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán và Cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất trả tiền một lần tại Ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Thuyết minh 12) để thực hiện dự án Bến cảng Trần Đề - Sóc Trăng (Thuyết minh 11). Thời hạn thuê là tới ngày 15/02/2067.

Ngoài ra, Công ty ký các hợp đồng thuê vị trí tại nhiều địa điểm để làm văn phòng, kho. Công ty phải trả tiền thuê vị trí định kỳ theo quy định tại các hợp đồng này.

Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
USD	445,18	458,38

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Bán vật tư (*)	-	10.617.483.949
Cung cấp dịch vụ và bán hàng	452.143.044.739	431.850.304.091
	452.143.044.739	442.467.788.040

(*) Doanh thu bán vật tư tàu để phục vụ đóng mới phà PII.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Bán vật tư	-	10.011.737.703
Cung cấp dịch vụ và bán hàng	300.350.159.653	249.864.427.890
	300.350.159.653	259.876.165.593

Giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tăng mạnh trong năm 2019 do sự gia tăng trong tiêu thụ dầu DO và chi phí nhân công do điều kiện cạnh tranh.

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	11.499.020.018	16.397.147.054
Lãi tiền gửi thanh toán	40.839.645	80.148.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	40.485.233	20.667.072
	11.580.344.896	16.497.962.326

21. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	90.094.002	173.289.985
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	53.692	89.411
	90.147.694	173.379.396

22. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.336.212.633	12.415.386.367
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	102.181.835	31.986.465
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	116.656.754	81.985.317
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.232.085	243.201.444
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.660.494.900	6.251.455.266
Chi phí chiết khấu, hoa hồng	21.024.747.972	25.148.444.346
Chi phí bằng tiền khác	889.852.779	666.318.961
	42.375.378.958	44.838.778.166

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.135.195.100	6.215.693.957
Chi phí dụng cụ quản lý	72.817.750	11.568.438
Chi phí khấu hao tài sản cố định	664.199.222	578.254.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.125.094.139	6.734.556.259
Chi phí bằng tiền khác	3.603.598.714	3.047.734.845
	15.600.904.925	16.587.807.899

24. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ việc khách hủy vé (Thuyết minh 18)	670,888,500	621,726,349
Thu bồi thường sửa chữa tàu (Thuyết minh 7i)	5,605,007,091	-
Đền bù tiền ứng mua đất thị xã Hà Tiên (Thuyết minh 7ii)	889,478,082	-
Thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	81,535,454	-
Thu nhập khác	372,184,659	410,980,444
	7,619,093,786	1,032,706,793

25. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tàu (*)	6.022.582.987	-
Chi phí khác	280.739.224	77.655.981
	6.303.322.211	77.655.981

(*) Tổng chi phí sửa chữa tàu Superdong III và tàu Phú Quý 1 là 6.022.582.987 VND, trong đó 5.605.007.091 VND sẽ thu hồi lại từ các đơn vị bảo hiểm và đơn vị gây sự cố (Thuyết minh 7i và Thuyết minh 24 đề cập ở trên).

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận trước thuế	106,622,569,980	138,444,670,124
Chi phí không được trừ khi tính thuế	20,140,564,386	5,603,408,278
Chênh lệch tỷ giá đánh giá tiền và các khoản phải thu cuối năm	53,692	89,411
Thu nhập tính thuế	126,763,188,058	144,048,167,813
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế	116,020,532,428	126,090,223,702
Thu nhập không ưu đãi thuế	10,742,655,630	17,957,944,111
Thuế suất thuế TNDN thông thường	20%	20%
Thuế TNDN đối với thu nhập ưu đãi	23,204,106,486	25,218,044,740
Miễn, giảm thuế phải nộp đối với thu nhập ưu đãi	(19,830,483,960)	(23,817,146,021)
Thuế TNDN đối với thu nhập không ưu đãi	2,148,531,126	3,591,588,822
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	5,522,153,652	4,992,487,541
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(8,780,262,474)	(1,970,103,918)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2,430,763,409)	(6,322,127,186)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(5,688,872,231)	(3,299,743,563)

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	101.100.416.328	133.452.182.583
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	101.100.416.328	133.452.182.583
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	63.331.735	63.331.735
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.596	2.107

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149.781.266.169	124.926.795.826
Chi phí nhân công	70.766.978.176	60.720.482.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.923.836.698	42.567.865.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.804.335.493	52.308.850.547
Chi phí khác bằng tiền	32.716.940.237	30.767.019.064
	356.993.356.773	311.291.013.955

29. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của công ty bao gồm:

	31/12/2019		01/01/2019 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6,905,040,805	-	11,069,237,549	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	42,375,985,381	-	14,553,089,186	-
Các khoản cho vay	193,657,422,261	-	161,300,000,000	-
	242,938,448,447	-	186,922,326,735	-

Nợ phải trả tài chính

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả người bán, phải trả khác	5,791,753,969	5,476,139,145
	5,791,753,969	5,476,139,145

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.905.040.805	-	6.905.040.805
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.604.485.381	6.771.500.000	42.375.985.381
Các khoản cho vay	158.657.422.261	35.000.000.000	193.657.422.261
	201.166.948.447	41.771.500.000	242.938.448.447
01/01/2019			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.069.237.549	-	11.069.237.549
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.855.589.186	8.697.500.000	14.553.089.186
Các khoản cho vay	161.300.000.000	-	161.300.000.000
	178.224.826.735	8.697.500.000	186.922.326.735

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	5.791.753.969	-	5.791.753.969
	5.791.753.969	-	5.791.753.969
01/01/2019			
Phải trả người bán, phải trả khác	5.476.139.145	-	5.476.139.145
	5.476.139.145	-	5.476.139.145

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd	Cùng nhà đầu tư	Mua tàu và phụ tùng thay thế	61.496.549.466	45.545.161.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	Số dư	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Kaibouk Shipyard (M) Sdn.Bhd	Cùng nhà đầu tư	Trả trước cho nhà cung cấp	45.118.413.549	67.754.099.811

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lương	2.312.914.500	1.373.660.000
Trong đó, lương của Tổng Giám đốc	907.827.500	369.710.000

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán.

Trong đó, một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do điều chỉnh lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo kết quả thanh tra thuế giai đoạn từ 2016 – 2018 như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

Kiên Giang, ngày 18 tháng 04 năm 2020
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



HÀ NGUYỆT NHI

Mã số	Chỉ tiêu	Đã trình bày trên báo cáo năm trước		
		Điều chỉnh lại VND	VND	Chênh lệch (*) VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.992.487.541	8.269.001.256	(3.276.513.715)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	133.452.182.583	130.175.668.868	3.276.513.715
Bảng Cân đối kế toán				
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8.780.262.474	-	8.780.262.474
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.580.537.445	1.784.086.630	(203.549.185)
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	272.263.291.568	263.279.479.909	8.983.811.659
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	138.811.108.985	133.103.811.041	5.707.297.944
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	133.452.182.583	130.175.668.868	3.276.513.715

(*) Do thay đổi cách tính ưu đãi thuế và thuế TNDN phải nộp bổ sung theo kết quả thanh tra thuế, tổng giá trị thuế TNDN Công ty nộp dư cho giai đoạn 2016 – 2018 là 8.893.811.659 VND, trong đó của năm 2018 là 3.276.513.715 VND.

33. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 26 tháng 03 năm 2020.

(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký)
<hr/> Nguyễn Thị Kim Hồng Phó Tổng Giám đốc	<hr/> Bùi Thị Hồng Đào Kế toán trưởng	<hr/> Lâm Thị Ngọc Thương Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2020

www.superdong.com.vn

